PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

CHÍNH PHỦ

CHÍNH PHỦ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 73/2012/NĐ-CP	*Hà Nội, ngày 26 tháng 9 năm 2012*

NGHỊ ĐỊNH
Quy định về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2005; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục ngày 25 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 29 tháng 11 năm 2005, được sửa đổi, bổ sung năm 2009;

Căn cứ Luật Dạy nghề ngày 29 tháng 11 năm 2006;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội,

Chính phủ ban hành Nghị định quy định về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục.

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Nghị định này quy định về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo và dạy nghề, bao gồm liên kết đào tạo, thành lập cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài, thành lập văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam.

2. Nghị định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân Việt Nam, tổ chức quốc tế và tổ chức, cá nhân nước ngoài hoạt động hợp tác, đầu tư trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo và dạy nghề.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Liên kết đào tạo là hình thức hợp tác giữa cơ sở giáo dục Việt Nam và cơ sở giáo dục nước ngoài nhằm thực hiện chương trình đào tạo để cấp văn bằng hoặc cấp chứng chỉ mà không thành lập pháp nhân.

2. Cơ sở giáo dục bao gồm cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học và cơ sở giáo dục thường xuyên.

3. Cơ sở giáo dục nghề nghiệp bao gồm trung tâm dạy nghề, trường trung cấp nghề, trường trung cấp chuyên nghiệp và trường cao đẳng nghề.

4. Cơ sở dạy nghề bao gồm trung tâm dạy nghề, trường trung cấp nghề và trường cao đẳng nghề.

5. Cơ sở giáo dục đại học bao gồm trường đại học và trường cao đẳng.

6. Cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn là trung tâm đào tạo, bồi dưỡng kiến thức ngoại ngữ, tin học, văn hóa, kỹ năng, chuyên môn, nghiệp vụ.

7. Cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài bao gồm cơ sở giáo dục 100% vốn nước ngoài, cơ sở giáo dục liên doanh giữa nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài.

8. Phân hiệu là đơn vị phụ thuộc của cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, có nhiệm vụ thực hiện toàn bộ hoặc một phần chức năng, nhiệm vụ của cơ sở giáo dục đó, kể cả chức năng đại diện theo ủy quyền.

9. Văn phòng đại diện tại Việt Nam của tổ chức, cơ sở giáo dục nước ngoài (gọi tắt là văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài) là đơn vị phụ thuộc của tổ chức, cơ sở giáo dục nước ngoài, được thành lập và hoạt động tại Việt Nam nhằm xúc tiến, phát triển hợp tác, đầu tư trong giáo dục theo quy định của pháp luật Việt Nam.

10. Hồ sơ hợp lệ là hồ sơ có đầy đủ giấy tờ theo quy định của Nghị định này và có nội dung được kê khai đầy đủ theo quy định của pháp luật.

11. Chia cơ sở giáo dục là việc một cơ sở giáo dục bị chia thành hai hoặc một số cơ sở giáo dục mới. Sau khi chia, cơ sở giáo dục bị chia chấm dứt tồn tại; quyền, nghĩa vụ dân sự của cơ sở giáo dục bị chia được chuyển giao cho các cơ sở giáo dục mới theo quyết định chia cơ sở giáo dục, phù hợp với mục đích hoạt động của cơ sở giáo dục mới.

12. Tách cơ sở giáo dục là việc một cơ sở giáo dục bị tách thành một hoặc một số cơ sở giáo dục mới. Sau khi tách, cơ sở giáo dục bị tách và cơ sở giáo dục được tách thực hiện quyền và nghĩa vụ dân sự của mình theo quyết định tách cơ sở giáo dục, phù hợp với mục đích hoạt động của các cơ sở giáo dục đó.

13. Sáp nhập cơ sở giáo dục là việc một hoặc một số cơ sở giáo dục được sáp nhập (sau đây gọi là cơ sở giáo dục được sáp nhập) vào một cơ sở giáo dục khác (sau đây gọi là cơ sở giáo dục sáp nhập). Sau khi sáp nhập, cơ sở giáo dục được sáp nhập chấm dứt tồn tại; các quyền, nghĩa vụ dân sự của cơ sở giáo dục được sáp nhập được chuyển giao cho cơ sở giáo dục sáp nhập.

14. Hợp nhất cơ sở giáo dục là việc hai hoặc một số cơ sở giáo dục cùng loại kết hợp thành một cơ sở giáo dục mới. Sau khi hợp nhất, các cơ sở giáo dục cũ chấm dứt tồn tại; các quyền, nghĩa vụ dân sự của các cơ sở giáo dục cũ được chuyển giao cho cơ sở giáo dục mới.

Điều 3. Ngành, nghề đào tạo được phép hợp tác, đầu tư

1. Tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế (sau đây gọi chung là tổ chức, cá nhân nước ngoài) được phép hợp tác, đầu tư trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo và dạy nghề theo quy định của pháp luật Việt Nam và các Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

2. Căn cứ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định danh mục các ngành, nghề đào tạo mà tổ chức, cá nhân nước ngoài được phép hợp tác, đầu tư trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo và dạy nghề tại Việt Nam.

Điều 4. Kiểm định chất lượng giáo dục

1. Trong quá trình hoạt động, cơ sở giáo dục thực hiện liên kết đào tạo và cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam có trách nhiệm:

a) Tự chịu trách nhiệm về chất lượng hoạt động giáo dục, định kỳ triển khai hoạt động tự đánh giá, đảm bảo chất lượng và nâng cao chất lượng theo tiêu chuẩn Việt Nam hoặc nước ngoài;

b) Định kỳ đăng ký kiểm định chất lượng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

2. Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền kiểm định chất lượng chương trình liên kết đào tạo và cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam là cơ quan, tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục Việt Nam hoặc cơ quan, tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục nước ngoài được Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội công nhận.

3. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định cụ thể tiêu chí, quy trình, chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục; nhiệm vụ, trách nhiệm và quyền hạn của cơ quan, tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục Việt Nam đối với kiểm định chất lượng chương trình liên kết đào tạo và cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

Điều 5. Tài chính trong hợp tác, đầu tư của nước ngoài

1. Cơ sở giáo dục thực hiện liên kết đào tạo với nước ngoài, cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài và văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam về tài chính, kế toán, kiểm toán và thuế.

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính có trách nhiệm hướng dẫn cụ thể quy định về tài chính, kế toán, kiểm toán và thuế đối với hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo và dạy nghề.

Chương II
LIÊN KẾT ĐÀO TẠO

Mục 1
HÌNH THỨC, ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI, THỜI HẠN LIÊN KẾT ĐÀO TẠO, VĂN BẰNG, CHỨNG CHỈ

Điều 6. Hình thức liên kết đào tạo được phép triển khai

Đào tạo trực tiếp theo chương trình của nước ngoài hoặc chương trình do hai bên xây dựng; thực hiện toàn bộ chương trình tại Việt Nam hoặc một phần chương trình tại Việt Nam, một phần chương trình tại nước ngoài; cấp văn bằng, chứng chỉ của Việt Nam, của nước ngoài hoặc hai bên cấp riêng theo quy định của từng bên.

Điều 7. Đối tượng và phạm vi liên kết đào tạo

1. Đối tượng liên kết đào tạo:

a) Cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học được thành lập và hoạt động hợp pháp tại Việt Nam;

b) Cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học được thành lập và hoạt động hợp pháp ở nước ngoài, được cơ quan, tổ chức kiểm định chất lượng hoặc cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài công nhận về chất lượng và được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam công nhận.

2. Phạm vi liên kết đào tạo:

a) Cơ sở giáo dục quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này chỉ được liên kết đào tạo trong phạm vi ngành, nghề và trình độ đào tạo đã được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cho phép thực hiện;

b) Cơ sở giáo dục quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều này chỉ được liên kết đào tạo trong phạm vi ngành, nghề và trình độ đào tạo được phép thực hiện và được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam công nhận.

Điều 8. Kiểm tra, thi, đánh giá, công nhận tốt nghiệp, cấp văn bằng, chứng chỉ

1. Việc kiểm tra, thi, đánh giá, công nhận hoàn thành chương trình môn học, mô đun, trình độ đào tạo, công nhận tốt nghiệp được thực hiện theo quy định của

pháp luật Việt Nam nếu cấp văn bằng, chứng chỉ của Việt Nam hoặc theo quy định của pháp luật nước ngoài nếu cấp văn bằng, chứng chỉ của nước ngoài.

2. Bằng tốt nghiệp của chương trình liên kết đào tạo được quy định như sau:

a) Văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải tuân thủ quy định của pháp luật nước đó và được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam công nhận;

b) Văn bằng do cơ sở giáo dục Việt Nam cấp phải tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam.

Điều 9. Thời hạn hoạt động

Thời hạn hoạt động của chương trình liên kết đào tạo không quá năm năm, kể từ ngày được phê duyệt và có thể được gia hạn, mỗi lần gia hạn không quá năm năm.

Mục 2
ĐIỀU KIỆN LIÊN KẾT ĐÀO TẠO

Điều 10. Đội ngũ nhà giáo

1. Giáo dục nghề nghiệp:

a) Đối với liên kết đào tạo nghề trình độ sơ cấp thì giáo viên dạy lý thuyết ít nhất phải có bằng tốt nghiệp trung cấp nghề hoặc tương đương, giáo viên dạy thực hành ít nhất phải có bằng tốt nghiệp trung cấp nghề hoặc tương đương hoặc là nghệ nhân, người có tay nghề cao và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm hoặc tương đương;

b) Đối với liên kết đào tạo trình độ trung cấp (trung cấp chuyên nghiệp và trung cấp nghề) và liên kết đào tạo nghề trình độ cao đẳng thì giáo viên dạy lý thuyết ít nhất phải có bằng tốt nghiệp đại học sư phạm, hoặc bằng tốt nghiệp đại học sư phạm kỹ thuật, hoặc bằng tốt nghiệp đại học đúng chuyên ngành giảng dạy và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm hoặc tương đương; giáo viên dạy thực hành ít nhất phải có bằng tốt nghiệp cao đẳng nghề hoặc tương đương, hoặc là nghệ nhân, người có tay nghề cao và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm hoặc tương đương.

2. Giáo dục đại học:

a) Đối với liên kết đào tạo trình độ cao đẳng thì giảng viên ít nhất phải có bằng tốt nghiệp đại học phù hợp với chuyên ngành giảng dạy;

b) Đối với liên kết đào tạo trình độ đại học thì giảng viên ít nhất phải có bằng thạc sĩ phù hợp với chuyên ngành giảng dạy;

c) Đối với liên kết đào tạo trình độ thạc sĩ thì giảng viên giảng dạy các môn học, chuyên đề, hướng dẫn luận văn thạc sĩ và tham gia Hội đồng chấm luận văn thạc sĩ ít nhất phải có bằng tiến sĩ; giảng viên hướng dẫn thực hành, thực tập, giảng dạy ngoại ngữ ít nhất phải có bằng thạc sĩ;

d) Đối với liên kết đào tạo trình độ tiến sĩ thì giảng viên ít nhất phải có bằng tiến sĩ ở chuyên ngành hoặc ngành phù hợp với học phần sẽ đảm nhiệm trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.

3. Giáo viên, giảng viên là người nước ngoài giảng dạy tại các chương trình liên kết đào tạo ít nhất phải có năm năm kinh nghiệm trong cùng lĩnh vực giảng dạy.

4. Giáo viên, giảng viên giảng dạy bằng ngoại ngữ trong chương trình liên kết đào tạo phải có trình độ ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu của chương trình, nhưng không thấp hơn trình độ C1 theo Khung tham chiếu chung châu Âu về năng lực ngoại ngữ hoặc tương đương.

Điều 11. Cơ sở vật chất, thiết bị

1. Cơ sở vật chất, thiết bị sử dụng trong liên kết đào tạo phải phù hợp với yêu cầu của ngành, nghề đào tạo, không làm ảnh hưởng tới hoạt động đào tạo chung của cơ sở giáo dục Việt Nam và bao gồm: Phòng học, phòng làm việc giáo viên, phòng máy tính, phòng thực hành, phòng thí nghiệm, thư viện và các trang thiết bị cần thiết khác. Diện tích trung bình dùng trong giảng dạy, học tập ít nhất là 05 m^2/sinh viên.

2. Cơ sở giáo dục thực hiện liên kết đào tạo phải cung cấp đầy đủ giáo trình, tài liệu học tập phục vụ cho việc học tập, nghiên cứu của học sinh, sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh.

Điều 12. Chương trình, quy mô đào tạo, ngôn ngữ giảng dạy

1. Chương trình đào tạo của nước ngoài thực hiện tại Việt Nam phải là chương trình đã được kiểm định chất lượng ở nước ngoài hoặc là chương trình của cơ sở giáo dục đã được tổ chức kiểm định chất lượng hoặc cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài công nhận về chất lượng.

2. Quy mô đào tạo của chương trình liên kết được xác định căn cứ các điều kiện đảm bảo chất lượng chương trình: Cơ sở vật chất, thiết bị, phòng thí nghiệm, đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý. Các điều kiện này không được trùng với các điều kiện đã được sử dụng để tính toán chỉ tiêu tuyển sinh của cơ sở giáo dục. Cơ sở giáo dục Việt Nam và cơ sở giáo dục nước ngoài đề xuất quy mô đào tạo trong Đề án liên kết đào tạo, trình các cấp có thẩm quyền quy định tại Điều 16 của Nghị định này phê duyệt.

3. Ngôn ngữ sử dụng để giảng dạy các môn chuyên ngành trong liên kết đào tạo để cấp văn bằng của nước ngoài là ngoại ngữ, không giảng dạy bằng tiếng Việt hoặc thông qua phiên dịch; có thể giảng dạy thông qua phiên dịch đối với các chương trình liên kết đào tạo để cấp văn bằng, chứng chỉ của Việt Nam.

Điều 13. Đối tượng tuyển sinh

Đối tượng tuyển sinh vào học tại các chương trình liên kết đào tạo cấp văn bằng phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Trường hợp cấp văn bằng của cơ sở giáo dục Việt Nam thì phải tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam về điều kiện tiếp nhận vào học các trình độ trung cấp, cao đẳng, đại học, thạc sĩ và tiến sĩ.

2. Trường hợp cấp văn bằng của cơ sở giáo dục nước ngoài thì phải tuân thủ quy định về điều kiện tiếp nhận vào học các trình độ trung cấp, cao đẳng, đại học, thạc sĩ và tiến sĩ của cơ sở giáo dục nước ngoài. Các điều kiện này phải tương ứng với điều kiện tiếp nhận của cơ sở giáo dục nước ngoài quy định tại nước sở tại và được Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chấp thuận.

3. Trường hợp đồng thời cấp văn bằng của cơ sở giáo dục Việt Nam và văn bằng của cơ sở giáo dục nước ngoài thì đối tượng tuyển sinh phải đáp ứng quy định tại Khoản 1, 2 Điều này.

4. Trình độ ngoại ngữ:

a) Đối với liên kết đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ thì đối tượng tuyển sinh ít nhất phải có trình độ B2 theo Khung tham chiếu chung châu Âu về năng lực ngoại ngữ hoặc tương đương;

b) Đối với liên kết đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng thì đối tượng tuyển sinh ít nhất phải có trình độ B1 theo Khung tham chiếu chung châu Âu về năng lực ngoại ngữ hoặc tương đương.

5. Căn cứ nhu cầu của người học, các cơ sở giáo dục liên kết có thể tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng ngoại ngữ giúp thí sinh đạt trình độ quy định tại Khoản 4 Điều này trước khi tổ chức giảng dạy chính khóa.

Mục 3
THỦ TỤC, THẨM QUYỀN PHÊ DUYỆT, GIA HẠN, CHẤM DỨT LIÊN KẾT ĐÀO TẠO

Điều 14. Hồ sơ liên kết đào tạo

1. Văn bản đề nghị phê duyệt Đề án liên kết đào tạo với nước ngoài do các bên liên kết cùng ký.

2. Thỏa thuận (Hợp đồng) hợp tác giữa các bên liên kết.

3. Giấy tờ chứng minh tư cách pháp lý của các bên liên kết: Bản sao có chứng thực quyết định thành lập hoặc cho phép thành lập cơ sở giáo dục hoặc các tài liệu tương đương khác.

4. Giấy tờ chứng minh cơ sở giáo dục Việt Nam và cơ sở giáo dục nước ngoài được phép đào tạo trong lĩnh vực dự định liên kết.

5. Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng của chương trình đào tạo nước ngoài hoặc của cơ sở giáo dục nước ngoài hoặc giấy tờ công nhận chất lượng của cơ quan có thẩm quyền.

6. Văn bản chấp thuận về chủ trương cho phép liên kết đào tạo với nước ngoài của cơ quan chủ quản đối với cơ sở giáo dục Việt Nam thuộc cơ quan chủ quản.

7. Đề án liên kết đào tạo do các bên liên kết xây dựng và cùng ký, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây: Sự cần thiết, mục tiêu của chương trình liên kết đào tạo; ngành và trình độ đào tạo; điều kiện cơ sở vật chất, thiết bị; chương trình và nội dung giảng dạy; danh sách giáo viên, giảng viên dự kiến và lý lịch cá nhân; đối tượng và tiêu chí tuyển sinh; quy mô đào tạo; hình thức tổ chức kiểm tra, đánh giá; văn bằng, chứng chỉ sẽ được cấp, tính tương đương của văn bằng nước ngoài đối với văn bằng của hệ thống giáo dục quốc dân Việt Nam; biện pháp đảm bảo chất lượng và quản lý rủi ro; bộ phận phụ trách chương trình liên kết, lý lịch cá nhân của người đại diện cơ sở giáo dục Việt Nam và cơ sở giáo dục nước ngoài tham gia quản lý chương trình; mức học phí, hỗ trợ tài chính của cá nhân, tổ chức Việt Nam và nước ngoài (nếu có), dự toán kinh phí, cơ chế quản lý tài chính; trách nhiệm và quyền hạn của các bên liên kết; trách nhiệm và quyền hạn của nhà giáo, người học.

Điều 15. Trình tự, thủ tục phê duyệt

1. Các bên liên kết làm 06 bộ hồ sơ, trong đó có 01 bộ hồ sơ gốc và nộp cho:

a) Sở Giáo dục và Đào tạo đối với hồ sơ liên kết đào tạo trình độ trung cấp chuyên nghiệp;

b) Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đối với hồ sơ liên kết đào tạo nghề trình độ trung cấp;

c) Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đối với hồ sơ liên kết đào tạo nghề trình độ cao đẳng;

d) Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với hồ sơ liên kết đào tạo trình độ cao đẳng, đại học, thạc sĩ và tiến sĩ phù hợp với quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 16 của Nghị định này;

đ) Đại học Quốc gia, Đại học Thái Nguyên, Đại học Huế, Đại học Đà Nẵng đối với hồ sơ liên kết đào tạo trình độ cao đẳng, đại học, thạc sĩ và tiến sĩ phù hợp với quy định tại Điểm đ Khoản 2 Điều 16 của Nghị định này.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo bằng văn bản cho các bên liên kết để sửa đổi, bổ sung hồ sơ.

3. Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ tổ chức thẩm định, lập báo cáo, trình các cấp có thẩm quyền quy định tại Điều 16 của Nghị định này quyết định.

4. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định và dự thảo Quyết định phê duyệt Đề án liên kết đào tạo, các cấp có thẩm quyền phải có ý kiến trả lời.

5. Trường hợp Đề án liên kết đào tạo không đủ điều kiện phê duyệt, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được ý kiến của các cấp có thẩm quyền, cơ quan tiếp nhận hồ sơ phải trả lời bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do.

Điều 16. Thẩm quyền phê duyệt

1. Hiệu trưởng (Giám đốc) cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học Việt Nam phê duyệt Đề án liên kết đào tạo cấp chứng chỉ, trừ chứng chỉ xác nhận năng lực ngoại ngữ của nước ngoài.

2. Thẩm quyền phê duyệt Đề án liên kết đào tạo cấp văn bằng được quy định như sau:

a) Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo phê duyệt Đề án liên kết đào tạo trình độ trung cấp chuyên nghiệp;

b) Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội phê duyệt Đề án liên kết đào tạo nghề trình độ trung cấp;

c) Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phê duyệt Đề án liên kết đào tạo nghề trình độ cao đẳng;

d) Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt Đề án liên kết đào tạo trình độ cao đẳng, đại học, thạc sĩ, tiến sĩ, trừ các trường hợp quy định tại Điểm đ Khoản 2 Điều này;

đ) Giám đốc Đại học Quốc gia, Đại học Thái Nguyên, Đại học Huế, Đại học Đà Nẵng phê duyệt Đề án liên kết đào tạo trình độ cao đẳng, đại học, thạc sĩ, tiến sĩ tổ chức tại những cơ sở này.

3. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện phân cấp thẩm quyền phê duyệt Đề án liên kết đào tạo theo lộ trình cho các trường đại học, trường cao đẳng và cao đẳng nghề có khả năng tự chủ và tự chịu trách nhiệm trên cơ sở tuân thủ các quy định về điều kiện của Nghị định này.

Điều 17. Gia hạn Đề án liên kết đào tạo

1. Thủ tục gia hạn Đề án liên kết đào tạo được thực hiện 06 tháng trước khi thời hạn liên kết đào tạo hết hiệu lực.

2. Điều kiện gia hạn:

a) Thực hiện đúng quy định trong Quyết định phê duyệt Đề án liên kết đào tạo, không có hành vi vi phạm pháp luật Việt Nam và pháp luật nước ngoài;

b) Chương trình đào tạo hoặc cơ sở giáo dục nước ngoài tiếp tục đáp ứng các điều kiện về kiểm định chất lượng giáo dục quy định tại Khoản 1 Điều 12 của Nghị định này.

3. Hồ sơ đề nghị gia hạn:

a) Văn bản đề nghị gia hạn do các bên liên kết cùng ký;

b) Báo cáo tổng kết hoạt động liên kết đào tạo trong thời gian được cấp phép;

c) Thỏa thuận (Hợp đồng) hợp tác đang còn hiệu lực giữa các bên liên kết;

d) Kiến nghị các nội dung cần điều chỉnh (nếu có) trong Quyết định phê duyệt Đề án liên kết đào tạo và giải trình.

4. Quy trình, thủ tục, thẩm quyền gia hạn:

a) Hồ sơ đề nghị gia hạn nộp cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ quy định tại Khoản 1 Điều 15 của Nghị định này;

b) Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ tổ chức thẩm định, lập báo cáo và trình các cấp có thẩm quyền quy định tại Điều 16 của Nghị định này quyết định;

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo và dự thảo Quyết định gia hạn Đề án liên kết đào tạo, các cấp có thẩm quyền phê duyệt Đề án phải có ý kiến trả lời;

d) Trường hợp Đề án liên kết đào tạo không được gia hạn, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được ý kiến của các cấp có thẩm quyền, cơ quan tiếp nhận hồ sơ phải trả lời bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do.

Điều 18. Đình chỉ tuyển sinh và chấm dứt liên kết đào tạo

1. Chương trình liên kết đào tạo bị đình chỉ tuyển sinh trong những trường hợp sau:

a) Không đảm bảo các điều kiện liên kết quy định tại các Điều 10, 11, 12, 13 của Nghị định này, làm ảnh hưởng đến chất lượng giáo dục;

b) Vi phạm quy định của Quyết định phê duyệt hoặc Quyết định gia hạn Đề án liên kết đào tạo ở mức độ pháp luật quy định phải đình chỉ tuyển sinh.

2. Chương trình liên kết đào tạo chấm dứt trong những trường hợp sau:

a) Hết thời hạn quy định trong Quyết định phê duyệt hoặc Quyết định gia hạn Đề án liên kết đào tạo;

b) Theo đề nghị của các bên liên kết;

c) Hết thời hạn đình chỉ tuyển sinh nhưng không khắc phục được nguyên nhân dẫn đến đình chỉ tuyển sinh;

d) Vi phạm quy định của Quyết định phê duyệt hoặc Quyết định gia hạn Đề án liên kết đào tạo ở mức độ pháp luật quy định phải chấm dứt.

Điều 19. Trách nhiệm của các bên liên kết

1. Tổ chức thực hiện theo quy định của Quyết định phê duyệt hoặc Quyết định gia hạn Đề án liên kết đào tạo.

2. Cung cấp đầy đủ và rõ ràng các thông tin liên quan đến chương trình liên kết đào tạo trên trang web của cơ sở liên kết và chịu trách nhiệm về sự chính xác của những thông tin này.

3. Chịu trách nhiệm về giá trị pháp lý của văn bằng, chứng chỉ của nước ngoài cấp cho người học.

4. Đảm bảo quyền lợi hợp pháp của người học, cán bộ, giảng viên, giáo viên và những người lao động khác trong trường hợp chấm dứt hoặc buộc phải chấm dứt hoạt động liên kết đào tạo trước thời hạn. Cụ thể như sau:

a) Liên hệ để chuyển sang cơ sở đào tạo khác số học sinh, sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh đã được tuyển sinh theo quy định;

b) Bồi hoàn kinh phí cho người học đối với trường hợp cung cấp chương trình đào tạo và cấp văn bằng không được Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội công nhận;

c) Thanh toán các khoản thù lao giảng dạy, các quyền lợi khác của giáo viên, giảng viên và người lao động theo hợp đồng lao động đã ký kết hoặc thỏa ước lao động tập thể;

d) Thanh toán các khoản nợ thuế (nếu có) và các khoản nợ khác.

5. Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định sau:

a) Đối với liên kết đào tạo cấp văn bằng:

Các bên tham gia liên kết đào tạo có trách nhiệm báo cáo việc tổ chức thực hiện liên kết đào tạo cho cấp có thẩm quyền phê duyệt Đề án liên kết đào tạo với nước ngoài và báo cáo cơ quan chủ quản trường hợp cơ sở giáo dục thuộc cơ quan chủ quản.

Đại học Quốc gia, Đại học Thái Nguyên, Đại học Huế, Đại học Đà Nẵng báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo về thực hiện liên kết đào tạo tại những cơ sở này.

Báo cáo được thực hiện sau mỗi năm học, bao gồm các nội dung liên quan đến việc thực hiện Quyết định phê duyệt, Quyết định gia hạn Đề án liên kết đào tạo, công tác tổ chức giảng dạy và học tập, kết quả học tập của học sinh, sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh, số lượng tuyển sinh, số lượng tốt nghiệp, tỷ lệ tốt nghiệp, văn bằng được cấp, báo cáo tài chính, những khó khăn, thuận lợi trong quá trình triển khai, đề xuất, kiến nghị.

b) Đối với liên kết đào tạo cấp chứng chỉ:

Cơ sở giáo dục đại học báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp báo cáo Sở Giáo dục và Đào tạo hoặc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Báo cáo được thực hiện 06 tháng một lần, bao gồm các nội dung chủ yếu sau: Đối tượng liên kết, nội dung, chương trình giảng dạy, chứng chỉ được cấp, số người được đào tạo, trách nhiệm và quyền hạn của người học, giáo viên, giảng viên và người lao động khác, báo cáo tài chính, những khó khăn, thuận lợi trong quá trình triển khai, đề xuất, kiến nghị.

6. Chấp hành các quy định có liên quan của pháp luật Việt Nam.

Chương III
CƠ SỞ GIÁO DỤC CÓ VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

Mục 1
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 20. Hình thức đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục

1. Nhà đầu tư nước ngoài được phép đầu tư trực tiếp thành lập cơ sở giáo dục quy định tại Điều 21 của Nghị định này theo các hình thức sau:

a) Cơ sở giáo dục 100% vốn của nhà đầu tư nước ngoài;

b) Cơ sở giáo dục liên doanh giữa nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài.

2. Cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài là pháp nhân Việt Nam kể từ ngày có quyết định cho phép thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Điều 21. Loại hình cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài được phép thành lập

1. Cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn.

2. Cơ sở giáo dục mầm non (trường mầm non, trường mẫu giáo, nhà trẻ) thực hiện chương trình giáo dục theo chương trình của nước ngoài, dành cho trẻ em là người nước ngoài.

3. Cơ sở giáo dục phổ thông (trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học) thực hiện chương trình giáo dục theo chương trình của nước ngoài, cấp văn bằng của nước ngoài, dành cho học sinh là người nước ngoài và một bộ phận học sinh Việt Nam có nhu cầu.

4. Cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

5. Cơ sở giáo dục đại học.

Điều 22. Đặt tên cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài

1. Cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài được thành lập và hoạt động dưới hình thức trường hoặc trung tâm và được đặt tên theo quy định dưới đây:

a) Đối với trường, tên phải gồm các yếu tố cấu thành được sắp xếp theo trật tự sau đây: "Trường", "Cấp học hoặc trình độ đào tạo" và tên riêng;

b) Đối với cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn, tên phải gồm các yếu tố cấu thành được sắp xếp theo trật tự sau đây: "Trung tâm giáo dục/đào tạo", "Ngành hoặc nhóm ngành đào tạo chính" và tên riêng;

c) Đối với Trung tâm dạy nghề, tên phải gồm các yếu tố cấu thành được sắp xếp theo trật tự sau đây: "Trung tâm dạy nghề", "Lĩnh vực hoặc nhóm nghề đào tạo chính" và tên riêng;

d) Đối với phân hiệu của cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam thì tên phải gồm các yếu tố cấu thành được sắp xếp theo trật tự sau đây: "Phân hiệu", "Tên cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài" và "tại tỉnh, thành phố của Việt Nam".

2. Tên riêng của cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài không được đặt trùng hoặc gây nhầm lẫn với tên của cơ sở giáo dục đã đăng ký, với tên của doanh nghiệp thực hiện dự án đầu tư; không sử dụng từ ngữ, ký hiệu vi phạm truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức và thuần phong mỹ tục của dân tộc Việt Nam.

3. Cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài có tên giao dịch bằng tiếng Việt và tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh (hoặc bằng một ngôn ngữ nước ngoài thông dụng khác) với nội dung tương đương.

4. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội xem xét, quyết định việc đặt tên một số cơ sở giáo dục mang tính đặc thù.

Điều 23. Văn bằng, chứng chỉ

1. Cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài được thành lập tại Việt Nam có quyền cấp hoặc đề nghị cấp:

a) Văn bằng, chứng chỉ thuộc hệ thống giáo dục quốc dân của Việt Nam và tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam;

b) Văn bằng, chứng chỉ thuộc hệ thống văn bằng, chứng chỉ của nước ngoài, tuân thủ quy định của pháp luật nước ngoài và được Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Việt Nam công nhận.

2. Cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài có trách nhiệm đăng ký bằng tốt nghiệp với Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để được công nhận giá trị pháp lý trên toàn lãnh thổ Việt Nam.

Điều 24. Tiếp nhận học sinh Việt Nam

1. Cơ sở giáo dục phổ thông quy định tại Khoản 3 Điều 21 của Nghị định này được phép tiếp nhận học sinh Việt Nam, nhưng số học sinh Việt Nam ở trường tiểu học và trung học cơ sở không quá 10% tổng số học sinh của trường, ở trường trung học phổ thông không quá 20% tổng số học sinh của trường.

2. Học sinh Việt Nam không đủ 05 tuổi không được tiếp nhận vào học chương trình của nước ngoài.

Điều 25. Thời hạn hoạt động

Thời hạn hoạt động của cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài không quá năm mươi năm, tính từ ngày cho phép thành lập. Trong trường hợp cần thiết, Chính phủ quyết định thời hạn dài hơn, nhưng không quá bảy mươi năm.

Điều 26. Quy trình cho phép thành lập

1. Việc cho phép thành lập cơ sở giáo dục quy định tại Điều 21 của Nghị định này (trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều này) thực hiện theo quy trình sau:

a) Cấp Giấy chứng nhận đầu tư;

b) Quyết định cho phép thành lập cơ sở giáo dục;

c) Cấp Giấy phép hoạt động giáo dục.

2. Việc cho phép cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên Chính phủ thành lập cơ sở giáo dục quy định tại Khoản 2, 3 Điều 21 của Nghị định này thực hiện theo quy định tại các Điểm b, c Khoản 1 Điều này.

3. Việc cho phép mở phân hiệu của cơ sở giáo dục tại các tỉnh, thành phố khác với tỉnh, thành phố nơi đặt cơ sở chính của những cơ sở này thực hiện theo quy trình sau:

a) Cấp Giấy chứng nhận đầu tư gắn với việc xin mở phân hiệu của cơ sở giáo dục;

b) Quyết định cho phép mở phân hiệu của cơ sở giáo dục;

c) Cấp Giấy phép hoạt động cho phân hiệu của cơ sở giáo dục.

4. Việc cho phép mở phân hiệu của cơ sở giáo dục trong cùng một tỉnh, thành phố thực hiện theo quy trình sau:

a) Điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư đã được cấp;

b) Quyết định cho phép mở phân hiệu của cơ sở giáo dục;

c) Cấp Giấy phép hoạt động cho phân hiệu của cơ sở giáo dục.

Điều 27. Quyền và nghĩa vụ của cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài

1. Được bảo hộ các quyền và lợi ích hợp pháp theo quy định của pháp luật Việt Nam và các Điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

2. Chịu sự quản lý hành chính theo lãnh thổ của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; hoạt động và chịu sự quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật Việt Nam.

3. Thực hiện công khai cam kết về chất lượng giáo dục, chất lượng giáo dục thực tế, điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục và thu, chi tài chính. Chịu trách nhiệm bồi hoàn kinh phí cho người học trong trường hợp cung cấp chương trình đào tạo không đảm bảo chất lượng như cam kết.

4. Đảm bảo quyền lợi hợp pháp của người học, cán bộ, giảng viên, giáo viên và những người lao động khác trong trường hợp chấm dứt hoặc buộc phải chấm dứt hoạt động trước thời hạn.

5. Tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam tại cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài.

6. Hàng năm báo cáo cơ quan quản lý nhà nước trực tiếp về giáo dục, dạy nghề về tình hình phát triển toàn diện của cơ sở và giải trình đầy đủ mỗi khi được cơ quan quản lý nhà nước yêu cầu.

7. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Mục 2
QUY ĐỊNH VỀ ĐIỀU KIỆN

Điều 28. Vốn đầu tư

1. Dự án đầu tư thành lập cơ sở giáo dục mầm non phải có suất đầu tư ít nhất là 30 triệu đồng/trẻ (không bao gồm các chi phí sử dụng đất). Tổng số vốn đầu tư ít nhất được tính toán căn cứ thời điểm có dự kiến quy mô đào tạo cao nhất. Kế hoạch vốn đầu tư phải phù hợp với quy mô dự kiến của từng giai đoạn.

2. Dự án đầu tư thành lập cơ sở giáo dục phổ thông phải có suất đầu tư ít nhất là 50 triệu đồng/học sinh (không bao gồm các chi phí sử dụng đất). Tổng số vốn đầu tư ít nhất được tính toán căn cứ thời điểm có dự kiến quy mô đào tạo cao nhất, nhưng không thấp hơn 50 tỷ đồng.

3. Dự án đầu tư thành lập cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn phải có suất đầu tư ít nhất là 20 triệu đồng/học viên (không bao gồm các chi phí sử dụng đất). Tổng số vốn đầu tư ít nhất được tính toán căn cứ số lượng học viên quy đổi toàn phần thời gian tại thời điểm có dự kiến quy mô đào tạo cao nhất.

4. Dự án đầu tư thành lập trung tâm dạy nghề phải có suất đầu tư ít nhất là 60 triệu đồng/học viên (không bao gồm các chi phí sử dụng đất). Tổng số vốn đầu tư ít nhất được tính toán căn cứ số lượng học viên quy đổi toàn phần thời gian tại thời điểm có dự kiến quy mô đào tạo cao nhất.

5. Dự án đầu tư thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp (trừ trung tâm dạy nghề) phải có suất đầu tư ít nhất là 100 triệu đồng/học sinh (không bao gồm các chi phí sử dụng đất). Tổng số vốn đầu tư ít nhất được tính toán căn cứ thời điểm có dự kiến quy mô đào tạo cao nhất, nhưng không thấp hơn 100 tỷ đồng.

6. Dự án đầu tư thành lập cơ sở giáo dục đại học phải có suất đầu tư ít nhất là 150 triệu đồng/sinh viên (không bao gồm các chi phí sử dụng đất). Tổng số vốn đầu tư ít nhất được tính toán căn cứ thời điểm có dự kiến quy mô đào tạo cao nhất, nhưng không thấp hơn 300 tỷ đồng.

7. Dự án đầu tư xin mở phân hiệu của cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam phải có suất đầu tư và vốn đầu tư ít nhất tương đương mức quy định cho việc thành lập cơ sở giáo dục quy định tại các Khoản 3, 4, 5, 6 Điều này.

8. Đối với các cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài không xây dựng cơ sở vật chất mới mà chỉ thuê lại hoặc do bên Việt Nam góp vốn bằng cơ sở vật chất sẵn có để triển khai hoạt động thì mức đầu tư ít nhất phải đạt 70% các mức quy định tại các Khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6 Điều này.

Điều 29. Cơ sở vật chất, thiết bị

1. Đối với cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn, trung tâm dạy nghề:

a) Có phòng học phù hợp về ánh sáng, bàn ghế, thiết bị, đồ dùng giảng dạy;

b) Có diện tích dùng cho học tập, giảng dạy đảm bảo ở mức bình quân ít nhất là 2,5 m^2/người học đối với cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn và 04 m^2/người học đối với trung tâm dạy nghề;

c) Có văn phòng của Ban Giám đốc, phòng giáo viên, thư viện và các phòng chức năng khác;

d) Có thiết bị cần thiết phục vụ cho công tác đào tạo và quản lý.

2. Đối với cơ sở giáo dục mầm non:

a) Trường tập trung tại một địa điểm, có môi trường tốt. Diện tích mặt bằng xây dựng trường được xác định trên cơ sở số nhóm lớp, số trẻ với bình quân ít nhất 06 - 08 m^2/trẻ đối với khu vực thành phố, thị xã và 10 - 12 m^2/trẻ đối với khu vực nông thôn;

b) Có phòng học, phòng ngủ của trẻ và các phòng chức năng phù hợp về diện tích, ánh sáng, bàn ghế, thiết bị, đồ dùng chăm sóc và giáo dục trẻ;

c) Có văn phòng nhà trường, phòng ban giám hiệu, phòng hành chính quản trị, phòng y tế, phòng bảo vệ, phòng dành cho nhân viên phù hợp về diện tích, trang thiết bị, đồ dùng phục vụ cho việc quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ;

d) Có hệ thống nước sạch, hệ thống thoát nước, phòng vệ sinh phù hợp, có thiết bị vệ sinh đảm bảo an toàn, sạch sẽ, đáp ứng mọi sinh hoạt của trường;

đ) Có nhà bếp được tổ chức theo quy trình hoạt động một chiều với các thiết bị, đồ dùng phù hợp, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm nếu trường tổ chức nấu ăn cho trẻ;

e) Có sân chơi, tường bao quanh khu vực trường, có cổng trường với biển trường ghi rõ tên trường theo quy định tại Điều 22 của Nghị định này;

g) Trong khu vực trường có cây xanh. Toàn bộ các thiết kế xây dựng và trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi của trường phải đảm bảo an toàn tuyệt đối cho trẻ.

3. Đối với cơ sở giáo dục phổ thông:

a) Trường tập trung tại một địa điểm, có môi trường tốt. Diện tích mặt bằng xây dựng trường được xác định trên cơ sở số lớp, số học sinh và đặc điểm vùng miền, với mức bình quân ít nhất là 06 m^2/học sinh đối với khu vực thành phố, thị xã và 10 m^2/học sinh đối với khu vực nông thôn;

b) Có diện tích dùng cho học tập, giảng dạy đảm bảo mức bình quân ít nhất là 2,5 m^2/học sinh;

c) Có văn phòng hiệu bộ, phòng giáo viên, phòng họp phù hợp;

d) Có phòng học bộ môn (đối với trung học cơ sở và trung học phổ thông), thư viện, bàn ghế, thiết bị, đồ dùng giảng dạy, đảm bảo các điều kiện về tiêu chuẩn theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

đ) Có phòng tập thể dục đa năng, phòng giáo dục nghệ thuật, phòng tin học, phòng học tiếng, phòng hỗ trợ giáo dục học sinh tàn tật, khuyết tật học hòa nhập, phòng y tế học đường. Có nhà ăn, phòng nghỉ trưa nếu tổ chức học bán trú;

e) Có hệ thống nước sạch, nhà vệ sinh phù hợp với quy mô của cơ sở giáo dục, đảm bảo các điều kiện về tiêu chuẩn theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

g) Có sân chơi, bãi tập, khu để xe với diện tích ít nhất bằng 30% tổng diện tích mặt bằng của trường. Có tường bao quanh khu vực trường, có cổng trường với biển trường ghi rõ tên trường theo quy định tại Điều 22 của Nghị định này.

4. Đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp (trừ trung tâm dạy nghề):

a) Diện tích đất để xây dựng trường đạt bình quân ít nhất là 25 m^2/người học tại thời điểm có quy mô đào tạo cao nhất trong kế hoạch phát triển nhà trường;

b) Có khu học tập đủ số phòng học, hội trường, phù hợp với quy mô đào tạo;

c) Có đủ phòng làm việc, khu hành chính và khu hiệu bộ, bảo đảm đáp ứng cơ cấu tổ chức phòng, ban, bộ môn chuyên môn, đảm bảo diện tích ít nhất là 06 m^2/người đối với trường trung cấp nghề, trường trung cấp chuyên nghiệp, 08 m^2/người đối với trường cao đẳng nghề;

d) Có thư viện, cơ sở thực hành, thực tập, phòng thí nghiệm, xưởng trường, trại trường, vườn thí nghiệm phù hợp với từng ngành nghề đào tạo;

đ) Có khu ký túc xá, câu lạc bộ, nhà ăn, các công trình kỹ thuật, y tế, công trình phục vụ hoạt động giải trí, thể thao, văn hóa và khu vệ sinh phục vụ cán bộ, giáo viên, học sinh, sinh viên nhà trường;

e) Có trang thiết bị dạy học, máy móc, phương tiện đào tạo phù hợp với quy mô, trình độ đào tạo của từng ngành nghề cụ thể.

5. Đối với cơ sở giáo dục đại học:

a) Diện tích đất để xây dựng trường đạt bình quân ít nhất 25 m²/sinh viên tại thời điểm có quy mô đào tạo cao nhất trong kế hoạch phát triển nhà trường;

b) Diện tích xây nhà bình quân ít nhất là 09 m²/sinh viên, trong đó diện tích học tập ít nhất là 06 m²/sinh viên, diện tích nhà ở và sinh hoạt của sinh viên ít nhất là 03 m²/sinh viên;

c) Có đủ số giảng đường, phòng học, phòng chức năng phù hợp và đáp ứng yêu cầu đào tạo theo ngành, nghề và phương thức tổ chức đào tạo;

d) Có đủ phòng làm việc, khu hành chính và hiệu bộ bảo đảm đáp ứng được cơ cấu tổ chức phòng, ban, khoa, bộ môn chuyên môn, đảm bảo diện tích ít nhất là 08 m^2/người;

đ) Có hội trường, thư viện, cơ sở thí nghiệm, thực tập, thực hành và các cơ sở vật chất khác đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo và hoạt động khoa học - công nghệ;

e) Có nhà ăn, các công trình xây dựng phục vụ hoạt động giải trí, thể thao, văn hóa và các công trình y tế, dịch vụ để phục vụ sinh hoạt cho cán bộ, giảng viên và sinh viên;

g) Có khu công trình kỹ thuật bao gồm: Trạm bơm nước, trạm biến thế, xưởng sửa chữa, kho tàng và nhà để xe ôtô, xe máy, xe đạp.

6. Xây dựng và thuê cơ sở vật chất:

a) Cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài đăng ký hoạt động từ hai mươi năm trở lên tại Việt Nam phải có kế hoạch xây dựng cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục và phải được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đồng ý về việc giao đất hoặc cho thuê đất để đầu tư xây dựng cơ sở vật chất. Giai đoạn đầu tối đa là năm năm, các cơ sở này phải có hợp đồng hoặc thỏa thuận về nguyên tắc thuê cơ sở vật chất cần thiết, ổn định để triển khai đào tạo, giảng dạy và phải đảm bảo việc đầu tư xây dựng cơ sở vật chất theo đúng tiến độ của dự án;

b) Cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài đăng ký hoạt động dưới hai mươi năm không phải xây dựng cơ sở vật chất riêng, nhưng phải có hợp đồng hoặc thỏa thuận thuê trường, lớp, nhà xưởng, các diện tích phụ phù hợp và ổn định trong thời gian ít nhất là năm năm.

Điều 30. Chương trình giáo dục

1. Chương trình giáo dục thực hiện tại cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài phải thể hiện mục tiêu giáo dục, không có nội dung gây phương hại đến quốc phòng, an ninh quốc gia, lợi ích cộng đồng; không truyền bá tôn giáo, xuyên tạc lịch sử; không ảnh hưởng xấu đến văn hóa, đạo đức, thuần phong mỹ tục Việt Nam và phải đảm bảo điều kiện liên thông giữa các cấp học và trình độ đào tạo.

2. Cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài được tổ chức giảng dạy:

a) Chương trình giáo dục của Việt Nam theo quy định của pháp luật Việt Nam;

b) Chương trình giáo dục mầm non, chương trình giáo dục phổ thông của nước ngoài đối với các cơ sở giáo dục quy định tại Khoản 2, 3 Điều 21 của Nghị định này;

c) Chương trình đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn của nước ngoài; chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng, đại học, thạc sĩ, tiến sĩ của nước ngoài trong khuôn khổ các chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài.

3. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định các môn học bắt buộc đối với người học là công dân Việt Nam học tập trong các cơ sở giáo dục quy định tại Khoản 3 Điều 21 của Nghị định này.

4. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định các môn học bắt buộc đối với người học là công dân Việt Nam theo học các chương trình đào tạo của nước ngoài trong các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp (trừ trung tâm dạy nghề) có vốn đầu tư nước ngoài.

Điều 31. Đội ngũ nhà giáo

1. Đối với cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn:

a) Giáo viên ít nhất phải có trình độ cao đẳng hoặc tương đương, có ngành nghề đào tạo phù hợp với chuyên môn được phân công giảng dạy;

b) Tỷ lệ học viên/giáo viên quy đổi tối đa là 25 học viên/giáo viên.

2. Đối với cơ sở giáo dục mầm non:

a) Giáo viên ít nhất phải có trình độ cao đẳng sư phạm mầm non hoặc tương đương;

b) Số trẻ tối đa trong 01 nhóm/lớp được quy định như sau:

Trẻ nhà trẻ:

- Trẻ 03 - 12 tháng tuổi: 15 trẻ/nhóm;
- Trẻ 13 - 24 tháng tuổi: 20 trẻ/nhóm;
- Trẻ 25 - 36 tháng tuổi: 25 trẻ/nhóm.

Trẻ mẫu giáo:

- Trẻ 03 - 04 tuổi: 25 trẻ/lớp;
- Trẻ 04 - 05 tuổi: 30 trẻ/lớp;
- Trẻ 05 - 06 tuổi: 35 trẻ/lớp.

c) Số lượng giáo viên trong 01 nhóm/lớp được quy định như sau:

- Đối với trẻ nhà trẻ: 05 trẻ/giáo viên;

- Đối với trẻ mẫu giáo: 10 - 12 trẻ/giáo viên.

3. Đối với cơ sở giáo dục phổ thông:

a) Giáo viên ít nhất phải có trình độ đại học sư phạm hoặc tương đương đối với giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và giáo dục trung học phổ thông;

b) Số lượng giáo viên ít nhất phải đảm bảo tỷ lệ: 1,5 giáo viên/lớp đối với trường tiểu học, 1,95 giáo viên/lớp đối với trường trung học cơ sở và 2,25 giáo viên/lớp đối với trường trung học phổ thông;

c) Số lượng học sinh/lớp không vượt quá 30 học sinh/lớp đối với trường tiểu học, 35 học sinh/lớp đối với trường trung học cơ sở và trung học phổ thông.

4. Đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp:

a) Giáo viên ít nhất phải có trình độ theo quy định tại Khoản 1 Điều 10 của Nghị định này;

b) Tỷ lệ học sinh/giáo viên tối đa là 25 học sinh/giáo viên đối với các ngành nhân văn, kinh tế và dịch vụ; 20 học sinh/giáo viên đối với các ngành thuộc lĩnh vực kỹ thuật và công nghệ; 15 học sinh/giáo viên đối với các ngành năng khiếu;

c) Tỷ lệ giáo viên có trình độ sau đại học không ít hơn 15% tổng số giáo viên của các trường trung cấp chuyên nghiệp, trung cấp nghề và cao đẳng nghề;

d) Các cơ sở đào tạo phải có đủ số lượng giáo viên cơ hữu để đảm nhận ít nhất 60% khối lượng chương trình của mỗi ngành nghề đào tạo.

5. Đối với cơ sở giáo dục đại học:

a) Giảng viên ít nhất phải có trình độ theo quy định tại Khoản 2 Điều 10 của Nghị định này;

b) Tỷ lệ sinh viên/giảng viên tối đa là 10 sinh viên/giảng viên đối với các ngành đào tạo năng khiếu, 15 sinh viên/giảng viên đối với các ngành đào tạo khoa học kỹ thuật và công nghệ, 25 sinh viên/giảng viên đối với các ngành đào tạo khoa học xã hội, nhân văn và kinh tế - quản trị kinh doanh;

c) Đối với trường cao đẳng thì tỷ lệ giảng viên có trình độ thạc sĩ và tiến sĩ không ít hơn 60%, trong đó tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ không ít hơn 25% tổng số giảng viên của cơ sở;

d) Đối với trường đại học thì tỷ lệ giảng viên có trình độ thạc sĩ và tiến sĩ không ít hơn 80%, trong đó tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ không ít hơn 35% tổng số giảng viên của cơ sở;

đ) Cơ sở phải có đủ số lượng giảng viên cơ hữu để đảm nhận ít nhất 60% khối lượng chương trình của mỗi ngành, nghề đào tạo.

6. Giáo viên, giảng viên là người nước ngoài giảng dạy tại các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn, cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học có vốn đầu tư nước ngoài ít nhất phải có 05 năm kinh nghiệm trong cùng lĩnh vực giảng dạy.

Mục 3
THỦ TỤC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐẦU TƯ

Điều 32. Điều kiện cấp Giấy chứng nhận đầu tư

1. Đối với dự án đầu tư thành lập cơ sở giáo dục quy định tại Khoản 1 Điều 26 của Nghị định này:

a) Có dự án đầu tư thành lập cơ sở giáo dục phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;

b) Có Đề án tiền khả thi thành lập cơ sở giáo dục theo quy định tại Điểm đ Khoản 1 Điều 33 của Nghị định này;

c) Có quỹ đất tại địa phương để giao hoặc cho nhà đầu tư thuê hoặc thỏa thuận về nguyên tắc thuê cơ sở vật chất sẵn có phù hợp với quy định tại Khoản 6 Điều 29 của Nghị định này;

d) Có đủ năng lực tài chính để thực hiện dự án đầu tư theo mức quy định tại Điều 28 của Nghị định này.

2. Đối với dự án đầu tư mở phân hiệu của cơ sở giáo dục quy định tại Khoản 3, 4 Điều 26 của Nghị định này:

a) Cơ sở giáo dục phải là đối tượng được phép mở phân hiệu theo quy định tại Điều 40 của Nghị định này;

b) Cơ sở giáo dục đã được tổ chức kiểm định chất lượng hoặc cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam hoặc của nước ngoài công nhận về chất lượng;

c) Có quỹ đất tại địa phương để giao hoặc cho nhà đầu tư thuê hoặc thỏa thuận về nguyên tắc thuê cơ sở vật chất sẵn có phù hợp với quy định tại Khoản 6 Điều 29 của Nghị định này;

d) Có Đề án tiền khả thi thành lập phân hiệu của cơ sở giáo dục theo quy định tại Điểm e Khoản 2 Điều 33 của Nghị định này;

đ) Có đủ năng lực tài chính để thực hiện dự án đầu tư mở phân hiệu theo mức quy định tại Điều 28 của Nghị định này.

3. Đối với dự án đầu tư thành lập trường đại học, ngoài các điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều này, dự án đầu tư còn phải được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư.

Điều 33. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đầu tư

1. Đối với dự án đầu tư thành lập cơ sở giáo dục quy định tại Khoản 1 Điều 26 của Nghị định này:

a) Văn bản đề nghị cấp Giấy chứng nhận đầu tư;

b) Văn bản xác nhận tư cách pháp lý của nhà đầu tư: Nhà đầu tư là tổ chức cần nộp bản sao có chứng thực quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc các giấy tờ tương đương khác. Nhà đầu tư là cá nhân cần nộp bản sao có chứng thực hộ chiếu hoặc chứng minh nhân dân, lý lịch cá nhân; nhà đầu tư là cá nhân người nước ngoài nộp bổ sung lý lịch tư pháp;

c) Hồ sơ đăng ký kinh doanh tương ứng với mỗi loại hình tổ chức kinh tế theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và pháp luật có liên quan;

d) Giải trình kinh tế - kỹ thuật bao gồm các nội dung chủ yếu: Mục tiêu, quy mô, địa điểm đầu tư; vốn đầu tư; tiến độ thực hiện dự án; nhu cầu sử dụng đất hoặc thỏa thuận về nguyên tắc thuê cơ sở vật chất sẵn có phù hợp với quy định tại Khoản 6 Điều 29 của Nghị định này; giải pháp về công nghệ và môi trường; kiến nghị ưu đãi đầu tư (nếu có);

đ) Đề án tiền khả thi thành lập cơ sở giáo dục, bao gồm các nội dung sau:

Loại cơ sở giáo dục đề nghị thành lập; sự cần thiết thành lập cơ sở giáo dục; sự phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;

Tên gọi của cơ sở giáo dục; mục tiêu, nhiệm vụ giáo dục; kế hoạch xây dựng, phát triển và quy mô đào tạo của cơ sở giáo dục trong từng giai đoạn; dự kiến cơ cấu bộ máy tổ chức, quản lý, điều hành;

Dự kiến về văn bằng, chứng chỉ; cơ sở vật chất, thiết bị; chương trình giáo dục; đội ngũ nhà giáo phù hợp với quy định tại các Điều 23, 29, 30, 31 của Nghị định này.

e) Văn bản chứng minh năng lực tài chính của nhà đầu tư theo mức quy định tại Điều 28 của Nghị định này.

2. Đối với dự án đầu tư mở phân hiệu của cơ sở giáo dục quy định tại Khoản 3, 4 Điều 26 của Nghị định này:

a) Văn bản đề nghị cấp Giấy chứng nhận đầu tư hoặc điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư;

b) Bản sao có chứng thực Quyết định cho phép thành lập cơ sở giáo dục;

c) Bản sao có chứng thực Giấy phép hoạt động của cơ sở giáo dục;

d) Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng của cơ sở giáo dục xin mở phân hiệu hoặc giấy tờ công nhận chất lượng của cơ quan có thẩm quyền;

đ) Giải trình kinh tế - kỹ thuật liên quan đến việc mở phân hiệu, bao gồm các nội dung quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều này;

e) Đề án tiền khả thi đề nghị mở phân hiệu của cơ sở giáo dục, bao gồm các nội dung sau:

Sự cần thiết mở phân hiệu;

Tên gọi của phân hiệu, phạm vi hoạt động của phân hiệu; kế hoạch xây dựng, phát triển và quy mô đào tạo tương ứng với từng giai đoạn phát triển của phân hiệu; dự kiến về cơ cấu bộ máy tổ chức, quản lý, điều hành;

Dự kiến về cơ sở vật chất, thiết bị; chương trình giáo dục; đội ngũ nhà giáo phù hợp với quy định tại Điều 29, 30, 31 của Nghị định này.

g) Văn bản chứng minh năng lực tài chính của nhà đầu tư theo mức quy định tại Điều 28 của Nghị định này.

3. Văn bản xác nhận do cơ quan nước ngoài cấp cho nhà đầu tư phải được hợp pháp hóa lãnh sự tại Bộ Ngoại giao Việt Nam hoặc cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự hoặc cơ quan được ủy quyền thực hiện chức năng lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài, trừ trường hợp Điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác.

Điều 34. Thẩm tra điều kiện về giáo dục, dạy nghề để cấp Giấy chứng nhận đầu tư

1. Việc thẩm tra điều kiện về giáo dục, dạy nghề để cấp Giấy chứng nhận đầu tư được quy định như sau:

a) Bộ Giáo dục và Đào tạo thẩm tra dự án đầu tư thành lập trường đại học, trường cao đẳng và phân hiệu của những cơ sở này;

b) Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thẩm tra dự án đầu tư thành lập trường cao đẳng nghề và phân hiệu của những cơ sở này;

c) Sở Giáo dục và Đào tạo thẩm tra dự án đầu tư thành lập cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn và phân hiệu của những cơ sở này; trường trung cấp chuyên nghiệp và phân hiệu của những cơ sở này; cơ sở giáo dục mầm non; cơ sở giáo dục phổ thông;

d) Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thẩm tra dự án đầu tư thành lập trung tâm dạy nghề, trường trung cấp nghề và phân hiệu của những cơ sở này.

2. Trường hợp cần thiết, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội xin ý kiến của Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để được hướng dẫn, giải quyết kịp thời.

Điều 35. Quy trình, thủ tục, thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đầu tư

1. Quy trình, thủ tục, thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đầu tư tuân thủ quy định của pháp luật về đầu tư.

2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận đầu tư, cơ quan tiếp nhận hồ sơ dự án đầu tư gửi bản sao Giấy chứng nhận đầu tư đến:

a) Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đối với dự án đầu tư thành lập trường đại học, trường cao đẳng và phân hiệu của những cơ sở này;

b) Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đối với dự án đầu tư thành lập trường cao đẳng nghề và phân hiệu của những cơ sở này;

c) Sở Giáo dục và Đào tạo đối với dự án đầu tư thành lập cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông; cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn và phân hiệu của những cơ sở này; trường trung cấp chuyên nghiệp và phân hiệu của những cơ sở này;

d) Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đối với dự án đầu tư thành lập trung tâm dạy nghề, trường trung cấp nghề và phân hiệu của những cơ sở này.

Mục 4
THỦ TỤC CHO PHÉP THÀNH LẬP CƠ SỞ GIÁO DỤC

Điều 36. Điều kiện cho phép thành lập

1. Đối với cơ sở giáo dục theo quy định về thủ tục tại Khoản 1 Điều 26 của Nghị định này:

a) Đã được cấp Giấy chứng nhận đầu tư;

b) Có Đề án chi tiết thành lập cơ sở giáo dục theo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 37 của Nghị định này;

c) Đối với trường hợp phải xây dựng cơ sở vật chất thì phải có văn bản giao đất hoặc cho thuê đất của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi kèm dự án đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, gồm phần thuyết minh và thiết kế chi tiết cơ sở giáo dục và thỏa thuận về nguyên tắc thuê cơ sở vật chất sẵn có phù hợp với quy định tại Khoản 6 Điều 29 của Nghị định này và các giấy tờ pháp lý liên quan;

d) Đối với trường hợp không phải xây dựng cơ sở vật chất thì phải có thỏa thuận về nguyên tắc thuê cơ sở vật chất sẵn có phù hợp với quy định tại Khoản 6 Điều 29 của Nghị định này và các giấy tờ pháp lý liên quan;

đ) Có đủ năng lực tài chính theo mức quy định tại Điều 28 của Nghị định này.

2. Đối với cơ sở giáo dục theo quy định về thủ tục tại Khoản 2 Điều 26 của Nghị định này:

a) Có Đề án chi tiết thành lập cơ sở giáo dục theo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 37 của Nghị định này;

b) Có sự chấp thuận việc mở cơ sở giáo dục tại địa phương và chấp thuận về nguyên tắc sẽ giao hoặc cho thuê đất của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, nơi cơ sở giáo

dục dự kiến thành lập hoặc thỏa thuận về nguyên tắc thuê đất hoặc cơ sở vật chất sẵn có phù hợp với quy định tại Khoản 6 Điều 29 của Nghị định này;

c) Có đủ năng lực tài chính theo mức quy định tại Điều 28 của Nghị định này.

Điều 37. Hồ sơ đề nghị cho phép thành lập

1. Đối với cơ sở giáo dục theo quy định về thủ tục tại Khoản 1 Điều 26 của Nghị định này, hồ sơ gồm:

a) Văn bản đề nghị cho phép thành lập cơ sở giáo dục;

b) Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đầu tư;

c) Đề án chi tiết thành lập cơ sở giáo dục, trong đó xác định rõ:

Tên gọi của cơ sở giáo dục; mục tiêu, nhiệm vụ giáo dục; phạm vi hoạt động giáo dục; văn bằng, chứng chỉ sẽ cấp; dự kiến cơ cấu bộ máy tổ chức, quản lý, điều hành;

Dự kiến cụ thể kế hoạch xây dựng, phát triển và quy mô đào tạo của cơ sở giáo dục trong từng giai đoạn, trong đó làm rõ khả năng đáp ứng các điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị; chương trình giáo dục; đội ngũ nhà giáo phù hợp với quy định tại các Điều 29, 30, 31 của Nghị định này.

d) Văn bản chấp thuận giao đất hoặc cho thuê đất của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với trường hợp phải xây dựng cơ sở vật chất (trong đó xác định rõ địa chỉ, diện tích, mốc giới của khu đất) và thỏa thuận về nguyên tắc thuê cơ sở vật chất sẵn có phù hợp với quy định tại Khoản 6 Điều 29 của Nghị định này và các giấy tờ pháp lý liên quan;

đ) Dự án đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, gồm phần thuyết minh và thiết kế chi tiết cơ sở giáo dục đối với trường hợp phải xây dựng cơ sở vật chất;

e) Văn bản chứng minh năng lực tài chính theo mức quy định tại Điều 28 của Nghị định này.

2. Đối với cơ sở giáo dục theo quy định về thủ tục tại Khoản 2 Điều 26 của Nghị định này, hồ sơ gồm:

a) Tài liệu quy định tại các Điểm a, c Khoản 1 Điều này;

b) Văn bản chấp thuận việc thành lập cơ sở giáo dục tại địa phương và chấp thuận về nguyên tắc sẽ giao hoặc cho thuê đất của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi cơ sở giáo dục dự kiến thành lập hoặc thỏa thuận về nguyên tắc thuê đất hoặc cơ sở vật chất sẵn có phù hợp với quy định tại Khoản 6 Điều 29 của Nghị định này;

c) Văn bản chứng minh năng lực tài chính theo mức quy định tại Điều 28 của Nghị định này.

Điều 38. Trình tự, thủ tục cho phép thành lập

1. Nhà đầu tư làm 06 bộ hồ sơ, trong đó có 01 bộ hồ sơ gốc và nộp cho:

a) Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với hồ sơ đề nghị cho phép thành lập trường đại học, trường cao đẳng; cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên Chính phủ đề nghị cho phép thành lập;

b) Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đối với hồ sơ đề nghị cho phép thành lập trường cao đẳng nghề;

c) Sở Giáo dục và Đào tạo đối với hồ sơ đề nghị cho phép thành lập cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn; trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học (trong đó có cấp học trung học phổ thông), trừ cơ sở giáo dục phổ thông quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này; trường trung cấp chuyên nghiệp;

d) Phòng Giáo dục và Đào tạo đối với hồ sơ đề nghị cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học (trong đó không có cấp học trung học phổ thông), trừ cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này;

đ) Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đối với hồ sơ đề nghị cho phép thành lập trường trung cấp nghề và trung tâm dạy nghề.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và gửi hồ sơ xin ý kiến của các cơ quan, đơn vị có liên quan.

Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo bằng văn bản cho nhà đầu tư biết để sửa đổi, bổ sung hồ sơ.

3. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được công văn xin ý kiến của cơ quan tiếp nhận hồ sơ, cơ quan, đơn vị được hỏi ý kiến phải có văn bản trả lời.

4. Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ lập báo cáo thẩm tra, trình các cấp có thẩm quyền theo quy định tại Điều 39 của Nghị định này xem xét, quyết định.

5. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ khi nhận được báo cáo thẩm tra, các cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định việc cho phép thành lập cơ sở giáo dục.

6. Trường hợp hồ sơ không được chấp thuận, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được ý kiến của các cấp có thẩm quyền, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo bằng văn bản cho nhà đầu tư, trong đó nêu rõ lý do.

Điều 39. Thẩm quyền cho phép thành lập

1. Thủ tướng Chính phủ quyết định cho phép thành lập trường đại học có vốn đầu tư nước ngoài.

2. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định cho phép thành lập trường cao đẳng có vốn đầu tư nước ngoài, cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ

thông do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên Chính phủ đề nghị cho phép thành lập.

3. Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quyết định cho phép thành lập trường cao đẳng nghề có vốn đầu tư nước ngoài.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cho phép thành lập cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn; trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học (trong đó có cấp học trung học phổ thông), trừ cơ sở giáo dục phổ thông quy định tại Khoản 2 Điều này; cơ sở giáo dục nghề nghiệp (trừ trường cao đẳng nghề).

5. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học (trong đó không có cấp học trung học phổ thông), trừ cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông quy định tại Khoản 2 Điều này.

Mục 5
THỦ TỤC CHO PHÉP MỞ PHÂN HIỆU CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC CÓ VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM

Điều 40. Cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài được phép mở phân hiệu

1. Cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn.

2. Cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

3. Cơ sở giáo dục đại học.

Điều 41. Điều kiện cho phép mở phân hiệu

1. Có Giấy chứng nhận đầu tư gắn với việc mở phân hiệu của cơ sở giáo dục hoặc Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh.

2. Đã được cơ quan, tổ chức kiểm định chất lượng hoặc cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam hoặc của nước ngoài công nhận về chất lượng.

3. Có Đề án chi tiết mở phân hiệu của cơ sở giáo dục theo quy định tại Khoản 4 Điều 42 của Nghị định này.

4. Đáp ứng điều kiện quy định tại các Điểm c, d Khoản 1 Điều 36 của Nghị định này.

5. Có đủ năng lực tài chính để thực hiện dự án đầu tư mở phân hiệu theo mức quy định tại Điều 28 của Nghị định này.

Điều 42. Hồ sơ đề nghị cho phép mở phân hiệu

1. Văn bản đề nghị cho phép mở phân hiệu của cơ sở giáo dục.

2. Bản sao có chứng thực giấy chứng nhận đầu tư gắn với việc mở phân hiệu của cơ sở giáo dục hoặc Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh.

3. Bản sao có chứng thực giấy tờ kiểm định chất lượng hoặc giấy tờ công nhận chất lượng của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam hoặc của nước ngoài.

4. Đề án chi tiết đề nghị mở phân hiệu của cơ sở giáo dục, trong đó xác định rõ:

Tên gọi của phân hiệu; mục tiêu, nhiệm vụ giáo dục; dự kiến cơ cấu bộ máy tổ chức, quản lý, điều hành và các hoạt động giáo dục tại phân hiệu;

Dự kiến cụ thể kế hoạch xây dựng, phát triển và quy mô đào tạo của phân hiệu trong từng giai đoạn, trong đó làm rõ khả năng đáp ứng các điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị; chương trình giáo dục; đội ngũ nhà giáo phù hợp với quy định tại các Điều 29, 30, 31 của Nghị định này.

5. Văn bản chấp thuận giao đất hoặc cho thuê đất để xây dựng phân hiệu và thỏa thuận về nguyên tắc thuê cơ sở vật chất sẵn có phù hợp với quy định tại Khoản 6 Điều 29 của Nghị định này và các giấy tờ pháp lý có liên quan.

6. Dự án đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, gồm phần thuyết minh và thiết kế chi tiết phân hiệu của cơ sở giáo dục trong trường hợp xây dựng cơ sở vật chất.

Điều 43. Trình tự, thủ tục cho phép mở phân hiệu

1. Nhà đầu tư xin mở phân hiệu của cơ sở giáo dục làm 06 bộ hồ sơ, trong đó có 01 bộ hồ sơ gốc và nộp cho:

a) Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với hồ sơ xin mở phân hiệu của trường đại học, trường cao đẳng có vốn đầu tư nước ngoài;

b) Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đối với hồ sơ xin phép mở phân hiệu của trường cao đẳng nghề;

c) Sở Giáo dục và Đào tạo đối với hồ sơ xin mở phân hiệu của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn và trường trung cấp chuyên nghiệp;

d) Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đối với hồ sơ xin mở phân hiệu của trường trung cấp nghề và trung tâm dạy nghề.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và gửi hồ sơ xin ý kiến của các cơ quan, đơn vị có liên quan. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo bằng văn bản cho nhà đầu tư biết để sửa đổi, bổ sung hồ sơ.

3. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được công văn xin ý kiến của cơ quan tiếp nhận hồ sơ, cơ quan, đơn vị được hỏi ý kiến phải có văn bản trả lời.

4. Trong thời hạn 25 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ lập báo cáo thẩm tra, trình các cấp có thẩm quyền theo quy định tại Điều 44 của Nghị định này xem xét, quyết định.

5. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận được báo cáo thẩm tra, các cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định việc cho phép mở phân hiệu của cơ sở giáo dục.

6. Trường hợp hồ sơ không được chấp thuận, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được ý kiến của các cấp có thẩm quyền, cơ quan tiếp nhận hồ sơ gửi thông báo bằng văn bản cho nhà đầu tư, trong đó nêu rõ lý do.

Điều 44. Thẩm quyền cho phép mở phân hiệu

Cấp có thẩm quyền cho phép thành lập cơ sở giáo dục thì có thẩm quyền cho phép mở phân hiệu của cơ sở giáo dục đó.

Mục 6
THỦ TỤC CHO PHÉP HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

Điều 45. Thời hạn đăng ký hoạt động giáo dục

1. Cơ sở giáo dục và phân hiệu của cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam chỉ được hoạt động giáo dục sau khi được cấp Giấy phép hoạt động giáo dục.

2. Trong thời hạn tối đa là ba năm (đủ 36 tháng), kể từ ngày được cấp Quyết định cho phép thành lập hoặc Quyết định cho phép mở phân hiệu, cơ sở giáo dục và phân hiệu của cơ sở giáo dục sau đây phải hoàn tất công tác chuẩn bị và nộp hồ sơ đăng ký hoạt động giáo dục:

a) Cơ sở giáo dục đại học và phân hiệu của những cơ sở này tại Việt Nam;

b) Cơ sở giáo dục nghề nghiệp (trừ trung tâm dạy nghề) và phân hiệu của những cơ sở này tại Việt Nam.

3. Trong thời hạn tối đa là hai năm (đủ 24 tháng), kể từ ngày có Quyết định cho phép thành lập hoặc Quyết định cho phép mở phân hiệu, cơ sở giáo dục và phân hiệu của những cơ sở giáo dục sau đây phải hoàn tất công tác chuẩn bị và nộp hồ sơ đăng ký hoạt động giáo dục:

a) Cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn và phân hiệu của những cơ sở này tại Việt Nam;

b) Trung tâm dạy nghề và phân hiệu của những cơ sở này tại Việt Nam;

c) Cơ sở giáo dục mầm non;

d) Cơ sở giáo dục phổ thông.

4. Quá thời hạn quy định tại Khoản 2, 3 Điều này, nếu cơ sở giáo dục hoặc phân hiệu của cơ sở giáo dục đăng ký hoạt động vẫn không có đủ điều kiện để được cấp Giấy phép hoạt động giáo dục thì Quyết định cho phép thành lập hoặc Quyết định cho phép mở phân hiệu sẽ bị thu hồi.

Điều 46. Điều kiện cho phép hoạt động giáo dục

1. Đã kiện toàn bộ máy, cơ cấu tổ chức của cơ sở giáo dục hoặc phân hiệu của cơ sở giáo dục.

2. Có quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Đáp ứng các điều kiện về vốn đầu tư, cơ sở vật chất, thiết bị, chương trình giáo dục, đội ngũ nhà giáo quy định tại các Điều 28, 29, 30, 31 của Nghị định này.

4. Đáp ứng các điều kiện về mở ngành đối với cơ sở giáo dục phải thực hiện thủ tục mở ngành theo quy định của pháp luật.

Điều 47. Hồ sơ đăng ký hoạt động giáo dục

1. Văn bản đăng ký hoạt động giáo dục.

2. Bản sao có chứng thực Quyết định cho phép thành lập cơ sở giáo dục hoặc Quyết định cho phép mở phân hiệu của cơ sở giáo dục, đồng thời gửi kèm hồ sơ đề nghị cho phép thành lập hoặc cho phép mở phân hiệu của cơ sở giáo dục.

3. Quy chế tổ chức, hoạt động của cơ sở giáo dục hoặc phân hiệu của cơ sở giáo dục.

4. Báo cáo tiến độ thực hiện dự án đầu tư, tình hình góp vốn, vay vốn, tổng số vốn đầu tư đã thực hiện.

5. Báo cáo giải trình về việc cơ sở giáo dục hoặc phân hiệu của cơ sở giáo dục đã đáp ứng các điều kiện quy định tại các Điều 28, 29, 30, 31 của Nghị định này, đồng thời gửi kèm:

a) Danh sách Hiệu trưởng (Giám đốc), Phó Hiệu trưởng (Phó Giám đốc), trưởng các khoa, phòng, ban và kế toán trưởng. Đối với hồ sơ đề nghị cấp phép hoạt động giáo dục của phân hiệu, cần bổ sung danh sách cán bộ phụ trách phân hiệu và cơ cấu, bộ máy tổ chức của phân hiệu;

b) Danh sách và lý lịch cá nhân của cán bộ, giáo viên, giảng viên (cơ hữu, thỉnh giảng);

c) Cấp học, trình độ đào tạo, ngành, nghề đào tạo;

d) Chương trình, kế hoạch giảng dạy, tài liệu học tập, danh mục sách giáo khoa và tài liệu tham khảo chính;

đ) Đối tượng tuyển sinh, quy chế và thời gian tuyển sinh;

e) Quy chế đào tạo;

g) Quy mô đào tạo (học sinh, sinh viên, học viên);

h) Các quy định về học phí và các loại phí liên quan;

i) Quy định về kiểm tra, đánh giá, công nhận hoàn thành chương trình môn học, mô đun, trình độ đào tạo;

k) Mẫu văn bằng, chứng chỉ sẽ được sử dụng.

6. Giấy tờ liên quan đến thủ tục mở ngành theo quy định của pháp luật đối với các trường hợp phải làm thủ tục mở ngành.

Điều 48. Trình tự, thủ tục cho phép hoạt động giáo dục

1. Hồ sơ đăng ký hoạt động giáo dục được làm thành 06 bộ, trong đó có 01 bộ hồ sơ gốc và nộp cho:

a) Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với hồ sơ đăng ký hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục đại học và phân hiệu của những cơ sở này;

b) Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đối với hồ sơ đăng ký hoạt động giáo dục của trường cao đẳng nghề và phân hiệu của những cơ sở này;

c) Sở Giáo dục và Đào tạo nơi cơ sở giáo dục và phân hiệu của cơ sở giáo dục hoạt động đối với hồ sơ đăng ký hoạt động giáo dục của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn và phân hiệu của những cơ sở này; trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học (trong đó có cấp học trung học phổ thông); cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, các tổ chức quốc tế liên Chính phủ đề nghị cho phép thành lập; trường trung cấp chuyên nghiệp và phân hiệu của những cơ sở này;

d) Phòng Giáo dục và Đào tạo đối với hồ sơ đăng ký hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học (trong đó không có cấp học trung học phổ thông);

đ) Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nơi cơ sở giáo dục hoạt động đối với hồ sơ đăng ký hoạt động giáo dục của trung tâm dạy nghề, trường trung cấp nghề và phân hiệu của những cơ sở này.

2. Trong vòng 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thẩm tra trên thực tế khả năng đáp ứng các điều kiện theo quy định, lập báo cáo, trình các cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

3. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm tra, các cấp có thẩm quyền có ý kiến trả lời.

4. Trường hợp cơ sở giáo dục chưa đủ điều kiện để hoạt động, trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được ý kiến của các cấp có thẩm quyền, cơ quan tiếp nhận hồ sơ trả lời bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do.

Điều 49. Thẩm quyền cho phép hoạt động giáo dục

1. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép hoạt động giáo dục đối với cơ sở giáo dục đại học và phân hiệu của những cơ sở này.

2. Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội cho phép hoạt động dạy nghề đối với trường cao đẳng nghề và phân hiệu của những cơ sở này.

3. Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo nơi cơ sở giáo dục và phân hiệu của cơ sở giáo dục hoạt động cho phép hoạt động giáo dục đối với:

a) Cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn và phân hiệu của những cơ sở này;

b) Trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học (trong đó có cấp học trung học phổ thông);

c) Cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên Chính phủ đề nghị cho phép thành lập;

d) Trường trung cấp chuyên nghiệp và phân hiệu của những cơ sở này.

4. Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo cho phép hoạt động giáo dục đối với:

a) Cơ sở giáo dục mầm non;

b) Trường tiểu học;

c) Trường trung học cơ sở;

d) Trường phổ thông có nhiều cấp học (trong đó không có cấp học trung học phổ thông).

5. Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nơi cơ sở dạy nghề và phân hiệu của cơ sở dạy nghề hoạt động cho phép hoạt động đối với trung tâm dạy nghề, trường trung cấp nghề và phân hiệu của những cơ sở này.

Điều 50. Bổ sung, điều chỉnh các hoạt động giáo dục, ngành đào tạo, mở rộng quy mô, đối tượng tuyển sinh, điều chỉnh nội dung, chương trình giảng dạy

1. Trường hợp cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài hoặc phân hiệu của những cơ sở này có nhu cầu bổ sung, điều chỉnh các hoạt động giáo dục, ngành đào tạo, mở rộng quy mô, đối tượng tuyển sinh, điều chỉnh nội dung, chương trình giảng dạy thì phải có văn bản và hồ sơ gửi tới cấp có thẩm quyền cho phép hoạt động giáo dục quy định tại Điều 49 của Nghị định này xem xét, quyết định.

2. Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ quy định tại Khoản 1 Điều 48 của Nghị định này phải tổ chức thẩm định theo quy định, trình các cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định và có văn bản trả lời.

Điều 51. Bố cáo thành lập cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài

Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Giấy phép hoạt động giáo dục, cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài phải đăng bố cáo trong 05 số báo liên tiếp của ít nhất 01 tờ báo trung ương và 01 tờ báo địa phương về các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Tên cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài bằng tiếng Việt, tiếng nước ngoài thông dụng.

2. Giấy chứng nhận đầu tư đối với những trường hợp phải tiến hành các thủ tục để được cấp Giấy chứng nhận đầu tư (số, ngày, cơ quan cấp, tổng số vốn đăng ký đầu tư).

3. Quyết định cho phép thành lập cơ sở giáo dục (số, ngày, cơ quan cấp).

4. Giấy phép hoạt động giáo dục (số, ngày, cơ quan cấp, các hoạt động giáo dục được phép thực hiện).

5. Họ và tên Hiệu trưởng (Giám đốc) cơ sở giáo dục.

6. Địa chỉ của cơ sở giáo dục và các thông tin liên quan: Điện thoại, fax, biểu tượng và trang web (nếu có), e-mail.

7. Số tài khoản tại ngân hàng giao dịch.

Mục 7
ĐÌNH CHỈ TUYỂN SINH, CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG, GIẢI THỂ, CHIA, TÁCH, SÁP NHẬP, HỢP NHẤT CƠ SỞ GIÁO DỤC CÓ VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

Điều 52. Đình chỉ tuyển sinh

1. Cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài bị đình chỉ tuyển sinh trong những trường hợp sau đây:

a) Không đảm bảo điều kiện hoạt động giáo dục theo quy định của Nghị định này, làm ảnh hưởng đến chất lượng giáo dục;

b) Vi phạm các quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục ở mức độ phải đình chỉ tuyển sinh;

c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Cấp có thẩm quyền cho phép cơ sở giáo dục hoạt động thì có thẩm quyền đình chỉ tuyển sinh của cơ sở giáo dục đó.

Điều 53. Chấm dứt hoạt động, giải thể cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài

1. Cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài chấm dứt hoạt động và bị giải thể trong những trường hợp sau đây:

a) Mục tiêu và nội dung hoạt động của cơ sở giáo dục không còn phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội;

b) Chấm dứt hoạt động và giải thể theo quyết định của cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục, dạy nghề do vi phạm quy định về quản lý, tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục hoặc theo bản án, quyết định của Tòa án;

c) Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập cơ sở giáo dục;

d) Hết thời hạn cho phép hoạt động của cơ sở giáo dục;

đ) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Cấp có thẩm quyền cho phép thành lập cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài thì có thẩm quyền quyết định chấm dứt hoạt động và cho phép cơ sở giáo dục đó giải thể.

3. Hồ sơ đề nghị giải thể cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài bao gồm:

a) Văn bản đề nghị giải thể cơ sở giáo dục;

b) Quyết định giải thể cơ sở giáo dục bao gồm:

Tên, địa chỉ trụ sở chính của cơ sở giáo dục;

Lý do giải thể;

Thời hạn, thủ tục thanh lý hợp đồng và thanh toán các khoản nợ của cơ sở giáo dục; ưu tiên cho việc thanh toán các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết, sau đó là đến nợ thuế và các khoản nợ khác. Sau khi đã thanh toán hết các khoản nợ và chi phí giải thể, phần còn lại thuộc về chủ sở hữu cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài;

Phương án xử lý các nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng lao động;

Các biện pháp bảo đảm quyền lợi của người học, cán bộ, giảng viên, giáo viên và những người lao động khác;

Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cơ sở giáo dục.

c) Cơ sở giáo dục buộc phải giải thể theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều này cần bổ sung Quyết định chấm dứt hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục, dạy nghề hoặc bản án, quyết định của Tòa án.

4. Trình tự, thủ tục cho phép giải thể cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài được quy định như sau:

a) Hồ sơ đề nghị giải thể cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài được nộp cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ đề nghị cho phép thành lập cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài quy định tại Khoản 1 Điều 38 của Nghị định này;

b) Trong thời hạn 10 ngày làm việc, cơ quan tiếp nhận hồ sơ phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thẩm tra hồ sơ, lập báo cáo thẩm tra trình các cấp có thẩm quyền quy định tại Điều 39 của Nghị định này xem xét, quyết định. Cơ sở giáo dục chỉ được giải thể khi đảm bảo thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác;

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định việc đồng ý về nguyên tắc cho giải thể cơ sở giáo dục.

5. Sau khi được chấp thuận về nguyên tắc cho giải thể, cơ sở giáo dục tổ chức thanh lý hợp đồng, thanh toán các khoản nợ, thanh lý tài sản của cơ sở giáo dục trong thời hạn tối đa là 06 tháng.

6. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc giải thể và thanh toán hết các khoản nợ của cơ sở giáo dục, người đại diện theo pháp luật của cơ sở giáo dục gửi cho cấp có thẩm quyền:

a) Báo cáo về việc thực hiện thủ tục giải thể, trong đó có cam kết đã thanh toán hết các khoản nợ, gồm cả nợ thuế, giải quyết các quyền lợi hợp pháp của người lao động;

b) Danh sách chủ nợ và số nợ đã thanh toán, gồm cả thanh toán hết các khoản nợ về thuế và nợ tiền đóng bảo hiểm xã hội;

c) Danh sách người lao động hiện có và quyền lợi người lao động đã được giải quyết;

d) Con dấu, Giấy chứng nhận đăng ký mẫu dấu, Giấy chứng nhận đăng ký mã số thuế.

7. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo với cơ quan thuế, cơ quan công an về việc giải thể cơ sở giáo dục và trình cấp có thẩm quyền xác nhận việc giải thể cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài nếu cơ quan thuế và cơ quan công an không có ý kiến khác.

8. Chủ sở hữu cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của hồ sơ giải thể cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài. Trường hợp hồ sơ giải thể không chính xác, giả mạo thì những người này phải liên đới chịu trách nhiệm thanh toán số nợ chưa thanh toán, số thuế chưa nộp, quyền lợi của người lao động chưa được giải quyết và chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật về những hệ quả phát sinh trong thời hạn ba năm (đủ 36 tháng) kể từ ngày nộp hồ sơ giải thể cơ sở giáo dục đến cơ quan có thẩm quyền.

9. Trường hợp nhà đầu tư có tranh chấp trong việc thanh lý cơ sở giáo dục thì tranh chấp được đưa ra giải quyết tại tòa án hoặc trọng tài theo quy định của pháp luật.

10. Trong quá trình thanh lý, nếu cơ sở giáo dục không có khả năng thanh toán các khoản nợ thì việc thanh lý sẽ chấm dứt và được xử lý theo quy định của pháp luật về phá sản.

Điều 54. Chia, tách, sáp nhập, hợp nhất cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài

1. Việc chia, tách, sáp nhập, hợp nhất cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài phải đảm bảo các nguyên tắc sau đây:

a) Đáp ứng các yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội của Việt Nam;

b) Phù hợp với quy hoạch mạng lưới các cơ sở giáo dục;

c) Góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;

d) Đảm bảo quyền lợi của cán bộ, viên chức, người lao động, nhà giáo và người học của cơ sở giáo dục;

đ) Cơ sở giáo dục mới được hình thành sau quá trình chia, tách, sáp nhập, hợp nhất cơ sở giáo dục phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại các Điều 28, 29, 30, 31 của Nghị định này.

2. Cấp có thẩm quyền cho phép thành lập cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài thì có thẩm quyền cho phép chia, tách, sáp nhập, hợp nhất cơ sở giáo dục.

3. Hồ sơ chia, tách, sáp nhập, hợp nhất cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài bao gồm:

a) Văn bản đề nghị chia, tách, sáp nhập, hợp nhất cơ sở giáo dục;

b) Một trong các loại giấy tờ tương ứng sau đây:

Quyết định chia cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài đã được chủ sở hữu cơ sở giáo dục thông qua. Quyết định chia cơ sở giáo dục phải tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành và phải có các nội dung về tên, địa điểm của cơ sở giáo dục bị chia; tên và địa điểm của cơ sở giáo dục sẽ thành lập; nguyên tắc và thủ tục chia tài sản; phương án sử dụng lao động; thời hạn và thủ tục chuyển đổi phần vốn góp của cơ sở giáo dục bị chia sang cơ sở giáo dục mới thành lập; nguyên tắc giải quyết các nghĩa vụ của cơ sở giáo dục bị chia; thời hạn thực hiện chia cơ sở giáo dục. Quyết định chia phải được gửi đến tất cả các chủ nợ và thông báo cho người lao động biết trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày thông qua quyết định;

Quyết định tách cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài đã được chủ sở hữu cơ sở giáo dục thông qua. Quyết định tách cơ sở giáo dục phải tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành và phải có các nội dung về tên, địa điểm của cơ sở giáo dục bị tách; tên và địa điểm của cơ sở giáo dục sẽ thành lập; giá trị tài sản, các quyền và nghĩa vụ được chuyển từ cơ sở giáo dục bị tách sang cơ sở giáo dục sẽ thành lập; phương án sử dụng lao động; thời hạn thực hiện tách cơ sở giáo dục. Quyết định tách phải được gửi đến tất cả các chủ nợ và thông báo cho người lao động biết trong thời hạn 1 tháng, kể từ ngày thông qua quyết định;

Hợp đồng sáp nhập do người đại diện theo pháp luật của các cơ sở giáo dục có liên quan soạn thảo. Hợp đồng sáp nhập phải có các nội dung chủ yếu về tên, địa chỉ trụ sở chính của cơ sở giáo dục nhận sáp nhập; tên, địa chỉ trụ sở chính của cơ sở giáo dục bị sáp nhập; thủ tục và điều kiện sáp nhập; phương án sử dụng lao động; thời hạn, thủ tục và điều kiện chuyển đổi tài sản, chuyển đổi phần vốn góp của cơ sở giáo dục bị sáp nhập thành phần vốn góp của cơ sở giáo dục nhận sáp nhập, thời hạn thực hiện sáp nhập;

Hợp đồng hợp nhất do người đại diện theo pháp luật của các cơ sở giáo dục có liên quan soạn thảo. Hợp đồng hợp nhất phải có các nội dung chủ yếu về tên, địa chỉ trụ sở chính của các cơ sở giáo dục bị hợp nhất; tên, địa chỉ trụ sở chính của cơ sở giáo dục hợp nhất; thủ tục và điều kiện hợp nhất; phương án sử dụng lao động; thời hạn, thủ tục và điều kiện chuyển đổi tài sản, chuyển đổi phần vốn góp của cơ sở giáo dục bị hợp nhất thành phần vốn góp của cơ sở giáo dục hợp nhất, thời hạn thực hiện hợp nhất; dự thảo quy chế hoạt động của cơ sở giáo dục hợp nhất.

4. Trình tự, thủ tục chia, tách, sáp nhập, hợp nhất cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện theo quy định sau đây:

a) Hồ sơ đề nghị cho phép chia, tách, sáp nhập, hợp nhất cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài được nộp cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ xin phép thành lập cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài quy định tại Khoản 1 Điều 38 của Nghị định này;

b) Trong thời gian 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ tổ chức thẩm định và trình cấp có thẩm quyền quy định tại Điều 39 của Nghị định này xem xét, quyết định.

Chương IV
VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN GIÁO DỤC NƯỚC NGOÀI

Điều 55. Chức năng, nhiệm vụ

1. Văn phòng đại diện của tổ chức, cơ sở giáo dục nước ngoài (gọi tắt là văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài) có chức năng đại diện cho tổ chức, cơ sở giáo dục nước ngoài đó thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

a) Thúc đẩy hợp tác với cơ sở giáo dục Việt Nam thông qua xúc tiến xây dựng chương trình, dự án hợp tác trong lĩnh vực giáo dục được phía Việt Nam quan tâm;

b) Tổ chức các hoạt động giao lưu, tư vấn, trao đổi thông tin, hội thảo, triển lãm trong lĩnh vực giáo dục nhằm giới thiệu về tổ chức, cơ sở giáo dục nước ngoài;

c) Đôn đốc, giám sát việc thực hiện các thỏa thuận hợp tác giáo dục đã ký kết với các tổ chức, cơ sở giáo dục Việt Nam.

2. Văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài không được thực hiện hoạt động giáo dục sinh lợi trực tiếp tại Việt Nam.

3. Văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài không được phép thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh trực thuộc văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam.

Điều 56. Đặt tên văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài

Tên của văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài gồm các yếu tố cấu thành được sắp xếp theo trật tự: "Văn phòng đại diện", "Tên của tổ chức, cơ sở giáo dục nước ngoài" và "tại Việt Nam."

Điều 57. Thời hạn hoạt động

Thời hạn hoạt động của văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài không quá năm năm tính từ ngày được cấp Giấy phép thành lập và có thể được gia hạn, mỗi lần gia hạn không quá năm năm.

Điều 58. Điều kiện cho phép thành lập

1. Có tư cách pháp nhân theo quy định của pháp luật nước, vùng lãnh thổ (sau đây gọi chung là nước) nơi tổ chức, cơ sở giáo dục nước ngoài đặt trụ sở chính.

2. Có thời gian hoạt động ít nhất năm năm tại nước sở tại.

3. Là tổ chức, cơ sở giáo dục đã được kiểm định chất lượng hoặc đã được cơ quan có thẩm quyền công nhận về chất lượng.

4. Có điều lệ, tôn chỉ, mục đích hoạt động rõ ràng.

5. Có quy chế tổ chức, hoạt động của văn phòng đại diện dự kiến thành lập tại Việt Nam phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam.

6. Chức năng, nhiệm vụ của văn phòng đại diện giáo dục dự kiến thành lập tại Việt Nam phù hợp với quy định tại Điều 55 của Nghị định này.

Điều 59. Hồ sơ đề nghị cho phép thành lập

1. Hồ sơ đề nghị cho phép thành lập văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam gồm:

a) Văn bản đề nghị cho phép thành lập văn phòng đại diện;

b) Văn bản chứng minh tư cách pháp lý của tổ chức, cơ sở giáo dục nước ngoài;

c) Tóm tắt sự hình thành và phát triển của tổ chức, cơ sở giáo dục nước ngoài;

d) Bản sao có chứng thực Điều lệ hoạt động của tổ chức, cơ sở giáo dục nước ngoài;

đ) Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng của cơ sở giáo dục nước ngoài hoặc giấy tờ công nhận chất lượng của cơ quan có thẩm quyền;

e) Dự thảo Quy chế tổ chức, hoạt động của văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam;

g) Văn bản giới thiệu nhân sự làm Trưởng văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam và lý lịch cá nhân của người được giới thiệu.

2. Văn bản xác nhận do cơ quan nước ngoài cấp phải được hợp pháp hóa lãnh sự tại Bộ Ngoại giao Việt Nam hoặc cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự hoặc cơ quan được ủy quyền thực hiện chức năng lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài, trừ trường hợp Điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác.

Điều 60. Trình tự, thủ tục cho phép thành lập

1. Tổ chức, cơ sở giáo dục nước ngoài đề nghị cho phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam gửi 05 bộ hồ sơ, trong đó có 01 bộ hồ sơ gốc đến Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

2. Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ tổ chức thẩm tra, trình các cấp có thẩm quyền quy định tại Điều 61 của Nghị định này xem xét, quyết định cho phép thành lập văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài.

3. Trường hợp hồ sơ không được chấp nhận, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được ý kiến của cấp có thẩm quyền, cơ quan tiếp nhận hồ sơ phải có văn bản trả lời, trong đó nêu rõ lý do.

Điều 61. Thẩm quyền cho phép thành lập

1. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép thành lập văn phòng đại diện của tổ chức, cơ sở giáo dục nước ngoài hoạt động trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

2. Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội cho phép thành lập văn phòng đại diện của tổ chức, cơ sở giáo dục nước ngoài hoạt động trong lĩnh vực dạy nghề.

3. Cấp có thẩm quyền cho phép thành lập văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam thì có thẩm quyền gia hạn, sửa đổi, bổ sung, thu hồi Giấy phép thành lập, tạm thời đình chỉ, chấm dứt hoạt động, giải thể đối với văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam.

Điều 62. Đăng ký hoạt động

1. Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày được cấp Giấy phép thành lập văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài, tổ chức, cơ sở giáo dục thành lập văn phòng đại diện phải làm thủ tục đăng ký hoạt động với Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nơi văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài đặt trụ sở.

2. Hồ sơ đăng ký hoạt động của văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài gồm:

a) Văn bản đăng ký hoạt động của văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài;

b) Bản sao có chứng thực Giấy phép thành lập văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài và hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thành lập văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài đã nộp cho Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

c) Quyết định bổ nhiệm Trưởng văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài và lý lịch cá nhân của người được bổ nhiệm;

d) Nhân sự làm việc tại văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài và lý lịch cá nhân;

đ) Địa điểm cụ thể đặt văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài và giấy tờ pháp lý có liên quan.

3. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký hoạt động của văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo hoặc Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội xem xét, quyết định cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động.

4. Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động, văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài phải tiến hành các công việc sau đây:

a) Đăng trong 05 số báo liên tiếp trong đó có ít nhất 01 tờ báo Trung ương và 01 tờ báo địa phương về các nội dung chủ yếu sau đây:

Tên của văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài thông dụng (nếu có);

Giấy phép thành lập văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài (số, ngày và cơ quan cấp);

Họ và tên Trưởng văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài;

Địa điểm đặt trụ sở, biểu tượng, điện thoại, fax, hộp thư điện tử và trang web (nếu có);

Số tài khoản tại ngân hàng giao dịch;

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động (số, ngày và cơ quan cấp).

b) Triển khai các hoạt động phù hợp với mục tiêu, phạm vi hoạt động, thời hạn, địa điểm được ghi trong Giấy phép thành lập văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài và Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động.

Điều 63. Sửa đổi, bổ sung, gia hạn và cấp lại Giấy phép thành lập

1. Tổ chức, cơ sở giáo dục nước ngoài phải đăng ký sửa đổi, bổ sung, gia hạn Giấy phép thành lập văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài trong những trường hợp sau đây:

a) Thay đổi tên gọi, người đứng đầu hoặc địa điểm đặt trụ sở của tổ chức, cơ sở giáo dục nước ngoài trong phạm vi quốc gia mà tổ chức, cơ sở giáo dục nước ngoài được thành lập;

b) Thay đổi tên gọi, người đứng đầu hoặc địa điểm đặt trụ sở của văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam;

c) Hết thời hạn hoạt động quy định trong Giấy phép thành lập văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài.

2. Tổ chức, cơ sở giáo dục nước ngoài phải đề nghị cấp lại Giấy phép thành lập văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài trong những trường hợp sau đây:

a) Thay đổi chức năng, phạm vi hoạt động của tổ chức, cơ sở giáo dục nước ngoài;

b) Thay đổi trụ sở của tổ chức, cơ sở giáo dục nước ngoài từ quốc gia này sang quốc gia khác;

c) Bị mất Giấy phép thành lập văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài.

3. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày có sự thay đổi hoặc bị mất Giấy phép thành lập văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài hoặc 30 ngày trước khi Giấy phép thành lập văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài hết hiệu lực, tổ chức, cơ sở giáo dục nước ngoài phải gửi hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung, gia hạn hoặc đề nghị cấp lại Giấy phép thành lập văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tới cơ quan có thẩm quyền.

4. Hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung, gia hạn và cấp lại Giấy phép thành lập văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài gồm:

a) Đơn đề nghị của tổ chức, cơ sở giáo dục nước ngoài với những nội dung chính sau đây:

Tên đầy đủ, địa chỉ của văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài;

Nội dung thay đổi, bổ sung;

Lý do sửa đổi, bổ sung, gia hạn hoặc đề nghị cấp lại Giấy phép thành lập văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài.

b) Giấy phép thành lập văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài;

c) Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài.

5. Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của tổ chức, cơ sở giáo dục nước ngoài, cấp có thẩm quyền xem xét cấp lại Giấy phép thành lập văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài hoặc Giấy phép thành lập văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài sửa đổi, bổ sung.

6. Trường hợp hồ sơ không được chấp nhận, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được ý kiến của cấp có thẩm quyền, cơ quan tiếp nhận hồ sơ phải trả lời tổ chức, cơ sở giáo dục nước ngoài bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do.

Điều 64. Chấm dứt hoạt động, thu hồi Giấy phép thành lập

1. Hoạt động của văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài chấm dứt trong các trường hợp sau đây:

a) Hết thời hạn ghi trong Giấy phép thành lập văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài;

b) Theo đề nghị của tổ chức, cơ sở giáo dục nước ngoài thành lập văn phòng đại diện;

c) Giấy phép thành lập văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài bị thu hồi theo quy định tại Khoản 2 Điều này.

2. Giấy phép thành lập văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài bị thu hồi trong những trường hợp sau đây:

a) Không hoạt động sau thời hạn 06 tháng, kể từ ngày được cấp Giấy phép thành lập lần đầu hoặc 03 tháng, kể từ ngày được gia hạn Giấy phép thành lập;

b) Bị phát hiện có sự giả mạo trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thành lập văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài;

c) Văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài có những hoạt động trái với nội dung của Giấy phép, vi phạm các quy định của Nghị định này và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3. Cơ quan cấp Giấy phép thành lập văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài có trách nhiệm thông báo lý do thu hồi Giấy phép hoặc lý do chấm dứt hoạt động của văn phòng đại diện cho tổ chức, cơ sở giáo dục nước ngoài và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan biết trước khi văn phòng đại diện chấm dứt hoạt động.

4. Trong thời hạn 60 ngày làm việc, kể từ ngày được thông báo chấm dứt hoạt động, văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài phải hoàn thành mọi thủ tục liên quan đến các khoản nợ, tiền lương, chế độ bảo hiểm xã hội, tiền thuê nhà, các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có), hoàn trả Giấy phép thành lập văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài, nộp lại con dấu và gửi báo cáo bằng văn bản đến Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Trong trường hợp được bộ chủ quản đồng ý, thời hạn này có thể được kéo dài, nhưng không quá một năm.

Điều 65. Quyền và nghĩa vụ của văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài

1. Văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài có các quyền sau đây:

a) Trong thời gian hoạt động tại Việt Nam, văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài được Nhà nước Việt Nam bảo hộ các quyền và lợi ích hợp pháp theo quy định của pháp luật Việt Nam và Điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên;

b) Thuê trụ sở, thuê, mua các phương tiện, vật dụng cần thiết cho hoạt động của văn phòng đại diện;

c) Tuyển dụng lao động là người Việt Nam, người nước ngoài để làm việc tại Văn phòng đại diện theo quy định của pháp luật Việt Nam;

d) Mở tài khoản chuyên chi bằng ngoại tệ, bằng đồng Việt Nam có gốc ngoại tệ tại ngân hàng được phép hoạt động tại Việt Nam và chỉ được sử dụng tài khoản này vào hoạt động của văn phòng đại diện;

đ) Có con dấu mang tên văn phòng đại diện theo quy định của pháp luật Việt Nam;

e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài có các nghĩa vụ sau đây:

a) Hoạt động của văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam phải theo đúng nội dung, phạm vi hoạt động quy định trong Giấy phép thành lập văn phòng đại diện giáo dục. Tổ chức, cơ sở giáo dục nước ngoài chịu trách nhiệm về mọi hoạt động của văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam;

b) Có trách nhiệm định kỳ hàng năm (trước ngày 15 tháng 12) báo cáo bằng văn bản cho cơ quan cấp Giấy phép thành lập văn phòng đại diện và cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động về hoạt động của văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam, đồng thời có trách nhiệm báo cáo, cung cấp tài liệu hoặc giải thích những vấn đề liên quan khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền Việt Nam;

c) Người đứng đầu văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của tổ chức, cơ sở giáo dục nước ngoài trong phạm vi và thời hạn được ủy quyền;

d) Nhân viên nước ngoài của văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài có trách nhiệm:

Thực hiện đúng mục đích nhập cảnh Việt Nam;

Chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật và tôn trọng các phong tục, tập quán của Việt Nam. Mọi hành vi vi phạm pháp luật Việt Nam của nhân viên văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài sẽ bị xử lý theo các quy định của pháp luật Việt Nam.

đ) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Chương V
QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC

Điều 66. Nội dung quản lý nhà nước trong lĩnh vực giáo dục có hợp tác, đầu tư của nước ngoài

1. Xây dựng và chỉ đạo thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục.

2. Ban hành, phổ biến, hướng dẫn và tổ chức thực hiện các chính sách, văn bản quy phạm pháp luật đối với hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục.

3. Thực hiện quản lý nhà nước về hợp tác quốc tế, kiểm tra, thanh tra, giám sát việc ký kết và thực hiện các thỏa thuận hợp tác giữa tổ chức, cơ sở giáo dục Việt Nam và tổ chức, cơ sở giáo dục nước ngoài, đảm bảo tuân thủ pháp luật Việt Nam.

4. Quy định mục tiêu, chương trình, nội dung giảng dạy; điều kiện cơ sở vật chất, thiết bị; điều kiện về đội ngũ nhà giáo; văn bằng, chứng chỉ đối với các chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài và cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài.

5. Tổ chức, quản lý việc đảm bảo chất lượng giáo dục và kiểm định chất lượng giáo dục tại các chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài và cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài.

6. Tổ chức, quản lý công dân Việt Nam ra nước ngoài học tập, giảng dạy, trao đổi học thuật, tham dự hội nghị, hội thảo và cá nhân nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài đến Việt Nam thực hiện các hoạt động trên.

7. Cấp, điều chỉnh, gia hạn Quyết định phê duyệt Đề án liên kết đào tạo với nước ngoài.

8. Cấp, điều chỉnh, thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư.

9. Cấp, điều chỉnh, thu hồi Quyết định cho phép thành lập, Quyết định cho phép mở phân hiệu, Giấy phép hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài.

10. Cấp, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, cấp lại và thu hồi Giấy phép thành lập văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam.

11. Hướng dẫn, hỗ trợ nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư và giải quyết vướng mắc, yêu cầu của nhà đầu tư trong hoạt động đầu tư thành lập cơ sở giáo dục.

12. Đánh giá tác động và hiệu quả kinh tế vĩ mô của hoạt động đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục.

13. Phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước các cấp trong quản lý hoạt động đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục.

14. Đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, tăng cường năng lực quản lý đầu tư nước ngoài trong giáo dục cho hệ thống cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư các cấp.

15. Thực hiện công tác thống kê, thông tin về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục.

16. Hướng dẫn và tổ chức thực hiện việc kiểm tra, thanh tra, giám sát, đánh giá kết quả hoạt động, giải quyết khiếu nại, tố cáo, khen thưởng và xử lý vi phạm đối với các hoạt động hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục.

Điều 67. Trách nhiệm của Bộ Giáo dục và Đào tạo

1. Xây dựng, trình cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền văn bản quy phạm pháp luật về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

2. Chủ trì thẩm định, phê duyệt Đề án liên kết đào tạo với nước ngoài trong giáo dục đại học.

3. Hướng dẫn thủ tục, tiếp nhận hồ sơ, chủ trì tổ chức thẩm định, quyết định theo thẩm quyền hoặc trình Thủ tướng Chính phủ quyết định việc cho phép thành lập cơ sở giáo dục đại học có vốn đầu tư nước ngoài, phân hiệu của những cơ sở này và văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam.

4. Hướng dẫn thủ tục, tiếp nhận hồ sơ, chủ trì tổ chức thẩm định, quyết định cấp Giấy phép hoạt động cho cơ sở giáo dục đại học có vốn đầu tư nước ngoài.

5. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan quản lý toàn diện chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài, cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài và văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài thuộc phạm vi quản lý của ngành giáo dục và đào tạo.

6. Hướng dẫn, tổ chức hoạt động đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, tăng cường năng lực quản lý nhà nước cho các sở giáo dục và đào tạo, các phòng giáo dục và đào tạo về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

7. Hướng dẫn, hỗ trợ nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư và giải quyết vướng mắc của nhà đầu tư trong hoạt động đầu tư thành lập cơ sở giáo dục.

8. Hướng dẫn, tổ chức kiểm tra, thanh tra, giám sát, đánh giá kết quả hoạt động, giải quyết khiếu nại, tố cáo, khen thưởng và xử lý vi phạm đối với hoạt động hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

9. Định kỳ 06 tháng, hằng năm báo cáo Thủ tướng Chính phủ về tình hình thực hiện của các chương trình, dự án hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

Điều 68. Trách nhiệm của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

1. Xây dựng, trình cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền văn bản quy phạm pháp luật về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực dạy nghề.

2. Chủ trì thẩm định, phê duyệt Đề án liên kết đào tạo với nước ngoài trong các trường cao đẳng nghề.

3. Hướng dẫn thủ tục, tiếp nhận hồ sơ, chủ trì tổ chức thẩm định, quyết định việc cho phép thành lập các trường cao đẳng nghề có vốn đầu tư nước ngoài, phân hiệu của những cơ sở này và thành lập văn phòng đại diện của tổ chức, cơ sở dạy nghề nước ngoài tại Việt Nam.

4. Hướng dẫn thủ tục, tiếp nhận hồ sơ, chủ trì tổ chức thẩm định, quyết định cấp Giấy phép hoạt động cho các trường cao đẳng nghề có vốn đầu tư nước ngoài.

5. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan quản lý toàn diện chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài, cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài và văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài trong lĩnh vực dạy nghề.

6. Hướng dẫn, tổ chức hoạt động đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, tăng cường năng lực quản lý nhà nước cho các sở lao động - thương binh và xã hội về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực dạy nghề.

7. Hướng dẫn, hỗ trợ nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư và giải quyết vướng mắc của nhà đầu tư trong hoạt động đầu tư thành lập cơ sở dạy nghề.

8. Hướng dẫn, tổ chức kiểm tra, thanh tra, giám sát, đánh giá kết quả hoạt động, giải quyết khiếu nại, tố cáo, khen thưởng và xử lý vi phạm đối với hoạt động hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực dạy nghề.

9. Định kỳ 06 tháng, hằng năm báo cáo Thủ tướng Chính phủ về tình hình thực hiện của các chương trình, dự án hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực dạy nghề.

Điều 69. Trách nhiệm của Bộ Kế hoạch và Đầu tư

1. Phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo cho ý kiến thẩm định về hồ sơ đề nghị thành lập trường đại học có vốn đầu tư nước ngoài.

2. Kiểm tra, giám sát, thanh tra hoạt động đầu tư nước ngoài theo thẩm quyền; xây dựng chương trình, kế hoạch kiểm tra, giám sát liên ngành đối với việc thực hiện các quy định của pháp luật về đầu tư đối với đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục; kiểm tra việc cấp, điều chỉnh, thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư của cơ quan cấp Giấy chứng nhận đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư và các văn bản pháp luật có liên quan; kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong quá trình đầu tư.

3. Phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và các cơ quan liên quan quản lý các cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài.

4. Hướng dẫn, hỗ trợ nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư và giải quyết những vướng mắc, yêu cầu của nhà đầu tư trong quá trình hoạt động đầu tư thành lập cơ sở giáo dục.

5. Thực hiện việc báo cáo tình hình hoạt động đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục theo quy định về chế độ báo cáo, thống kê đầu tư nước ngoài tại Luật đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Điều 70. Trách nhiệm của Bộ Tài chính

1. Phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo cho ý kiến thẩm định về hồ sơ đề nghị thành lập trường đại học có vốn đầu tư nước ngoài.

2. Kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện pháp luật về tài chính, kế toán, kiểm toán và thuế của các hoạt động hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục.

3. Hướng dẫn, giải quyết những vướng mắc thuộc phạm vi phụ trách đối với các hoạt động hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục.

4. Phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan liên quan quản lý cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài.

Điều 71. Trách nhiệm của Bộ Công an

Bộ Công an có trách nhiệm góp ý kiến các nội dung liên quan đến an ninh, trật tự đối với hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo và dạy nghề.

Điều 72. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Xây dựng và trình cấp có thẩm quyền quyết định về quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án, chính sách phát triển giáo dục trên địa bàn; chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án, chính sách phát triển giáo dục đã được phê duyệt.

2. Căn cứ quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án, chính sách phát triển giáo dục trên địa bàn, lập và công bố Danh mục

dự án thu hút đầu tư trong lĩnh vực giáo dục tại địa phương; tổ chức vận động và xúc tiến đầu tư.

3. Chủ trì tổ chức thẩm tra, cấp, điều chỉnh và thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư; Quyết định cho phép thành lập theo thẩm quyền cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài và phân hiệu của những cơ sở này.

4. Phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định hồ sơ đề nghị cho phép thành lập trường đại học, trường cao đẳng và trường cao đẳng nghề có vốn đầu tư nước ngoài.

5. Thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với các chương trình, dự án hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục tại địa bàn tỉnh theo các nội dung chủ yếu sau:

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan, phân công trách nhiệm cho các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban để tổ chức quản lý toàn diện các cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài, chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài và văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài hoạt động trên địa bàn tỉnh;

b) Theo dõi, giám sát, kiểm tra việc thực hiện mục tiêu của dự án đầu tư, tiến độ góp vốn và triển khai dự án đầu tư; giám sát, kiểm tra việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính, quan hệ lao động tiền lương, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người lao động và người sử dụng lao động, bảo vệ môi trường sinh thái; chủ trì hoặc tham gia cùng các Bộ, ngành thực hiện thanh tra các dự án đầu tư trên địa bàn;

c) Tổ chức thực hiện việc giải phóng mặt bằng, giao đất, cho thuê đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quản lý sử dụng đất đai đối với các cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài;

d) Giải quyết các khó khăn, vướng mắc của nhà đầu tư; kiến nghị Thủ tướng Chính phủ hoặc các Bộ, ngành có liên quan giải quyết những vấn đề vượt thẩm quyền;

đ) Đánh giá hiệu quả hoạt động đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục trên địa bàn tỉnh.

6. Chỉ đạo, hướng dẫn và tổ chức thực hiện công tác thống kê, thông tin, báo cáo định kỳ 6 tháng và hàng năm Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Kế hoạch và Đầu tư về hoạt động hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục tại địa phương.

Điều 73. Thanh tra, kiểm tra, xử phạt vi phạm hành chính

1. Thanh tra, kiểm tra:

a) Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và các cơ quan quản lý nhà nước khác thực hiện chức năng thanh tra, kiểm tra theo quy định

của pháp luật đối với các chương trình liên kết đào tạo, các cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài và văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam;

b) Phạm vi thanh tra đầu tư, tổ chức và hoạt động thanh tra đầu tư thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư và pháp luật về thanh tra đối với hoạt động quản lý nhà nước về đầu tư và dự án đầu tư.

2. Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục:

a) Thanh tra Bộ Giáo dục và Đào tạo, Thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và các cơ quan quản lý nhà nước khác có thẩm quyền xử phạt đối với những hành vi vi phạm hành chính được quy định cụ thể tại Nghị định của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục và Nghị định của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực dạy nghề;

b) Hành vi vi phạm pháp luật về đầu tư và việc xử lý vi phạm về đầu tư thực hiện theo quy định của pháp luật.

3. Việc giải quyết tranh chấp liên quan đến hoạt động đầu tư thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư và pháp luật liên quan.

Chương VI
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 74. Điều khoản chuyển tiếp

1. Cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài và phân hiệu của cơ sở giáo dục đã được cấp Giấy chứng nhận đầu tư đồng thời là Giấy đăng ký kinh doanh và Giấy phép hoạt động giáo dục trước khi Nghị định này có hiệu lực không phải xét duyệt lại, nhưng phải bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực để được cấp Quyết định cho phép thành lập cơ sở giáo dục, quyết định cho phép mở phân hiệu.

2. Dự án đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo và dạy nghề đã được cấp Giấy chứng nhận đầu tư đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nhưng chưa được cấp Giấy phép hoạt động giáo dục trước ngày Nghị định này có hiệu lực thực hiện theo quy định tại các Mục 4, 5, 6 Chương III của Nghị định này.

3. Dự án đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo và dạy nghề đã nộp hồ sơ nhưng chưa được cấp Giấy chứng nhận đầu tư đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh trước ngày Nghị định này có hiệu lực thực hiện theo quy định tại các Mục 3, 4, 5, 6 Chương III của Nghị định này.

4. Hồ sơ đề nghị phê duyệt Đề án liên kết đào tạo với nước ngoài đã được nộp nhưng chưa được phê duyệt trước ngày Nghị định này có hiệu lực thực hiện theo quy định tại Chương II của Nghị định này.

5. Hồ sơ đề nghị cho phép thành lập văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài đã được nộp nhưng chưa được cấp Giấy phép thành lập trước ngày Nghị định này có hiệu lực thực hiện theo quy định tại Chương IV của Nghị định này.

Điều 75. Điều khoản thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2012.

2. Nghị định này bãi bỏ các quy định về giáo dục và đào tạo tại Nghị định số 18/2001/NĐ-CP ngày 04 tháng 5 năm 2001 của Chính phủ quy định về lập và hoạt động của các cơ sở văn hóa, giáo dục nước ngoài tại Việt Nam, Nghị định số 06/2000/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2000 của Chính phủ về hợp tác đầu tư với nước ngoài trong lĩnh vực khám chữa bệnh, giáo dục đào tạo, nghiên cứu khoa học và các quy định khác liên quan đến hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục trái với quy định của Nghị định này.

3. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của mình chịu trách nhiệm hướng dẫn thi hành Nghị định này.

4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng